



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

**Trụ sở chính:** Km 2 Xã Vinh Quang, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum

**Điện thoại:** 060.6289.549 - **Fax:** 060.3862969

**Email:** [ctyduongkontum@vnn.vn](mailto:ctyduongkontum@vnn.vn) - **Website:** [www.ktsduongkontum.vn](http://www.ktsduongkontum.vn)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm tài chính chuyển đổi từ 01/01/2016 đến 30/06/2016



Quá trình hình thành và phát triển

Các giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro

**1**

## **THÔNG TIN CHUNG**

**44**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

**38**

## **BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

---

**9**

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

---

**23**

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình chung về hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

---

**30**

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Quá trình hình thành và phát triển**  
**Các giải thưởng tiêu biểu**  
**Ngành nghề kinh doanh**

**Địa bàn kinh doanh**  
**Sơ đồ tổ chức**  
**Định hướng phát triển**  
**Các rủi ro**



## THÔNG TIN CHUNG

**Tên công ty:** Công ty cổ phần Đường Kon Tum

**Tên giao dịch:** Công ty cổ phần Đường Kon Tum

**Tên Tiếng Anh:** Kontum Sugar Joint Stock Company

**Mã cổ phiếu:** KTS

**Vốn điều lệ:** 50.700.000.000 (Năm mươi tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn)

**Trụ sở chính:** Km 2 Xã Vinh Quang, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum

**Điện thoại:** 060.6289549

**Fax:** 060.3862969

**Email:** [ctyduongkontum@yahoo.com.vn](mailto:ctyduongkontum@yahoo.com.vn)

**Website:** [www.ktsduongkontum.vn](http://www.ktsduongkontum.vn)

**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:** số 3803000111 (số này đã điều chỉnh là 6100228104) cấp ngày 01/07/2008 (đã đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/11/2015) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

## Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đường;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây mía;
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Sản xuất bao bì; Lắp đặt máy móc, thiết bị; Gia công, sản xuất các sản phẩm cơ khí.

## Địa bàn kinh doanh

- Vùng nguyên liệu đầu tư thu mua tại Kon Tum và một số huyện của Gia Lai;
- Thị trường đường, mật tiêu thụ tại TP. HCM, các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên và một số tỉnh phía Bắc;
- Bã bùn và phân bón được cung cấp cho nông dân trong vùng nguyên liệu.

## Chặng đường phát triển

1995

CTCP Đường Kon Tum tiền thân là Công ty Mía Đường Kon Tum, hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 109032 do Ủy ban kế hoạch Nhà nước tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/07/1995

2000

Công ty mía đường Kon Tum được chuyển giao về cho Công ty Đường Quảng Ngãi và trở thành Nhà máy Đường Kon Tum trực thuộc Công ty Đường Quảng Ngãi

2006

Nhà máy Đường Kon Tum được chuyển thành Công ty Đường Kon Tum thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định 2945/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 11/10/2006 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNN

2008

Công ty Đường Kon Tum được chuyển thành Công ty Cổ phần Đường Kon Tum và chính thức đi vào hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 3803000111 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kon Tum cấp ngày 01/07/2008



## Các giải thưởng tiêu biểu

- Cúp vàng sản phẩm dịch vụ ưu tú hội nhập WTO
- Cúp doanh nghiệp tiêu biểu Asean 2011
- Siêu cúp Thương hiệu mạnh và phát triển bền vững
- Cúp sản phẩm thực phẩm tốt nhất Asean
- Cúp thương hiệu vàng 2012
- Cúp Top 100 sản phẩm chất lượng cao
- Cúp Tôn vinh 1 trong 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2012-2013
- Cúp Hàng nông lâm thủy sản VN chất lượng cao



2010

Chính thức niêm yết 3 triệu cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là KTS

2011

Niêm yết bổ sung 900.000 cổ phiếu trên HNX, tăng vốn Điều lệ từ 30 tỷ lên 39 tỷ

2012

Đại hội đồng cổ đông bất thường, quyết định tăng Vốn điều lệ Công ty từ 39 tỷ lên 50,7 tỷ bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

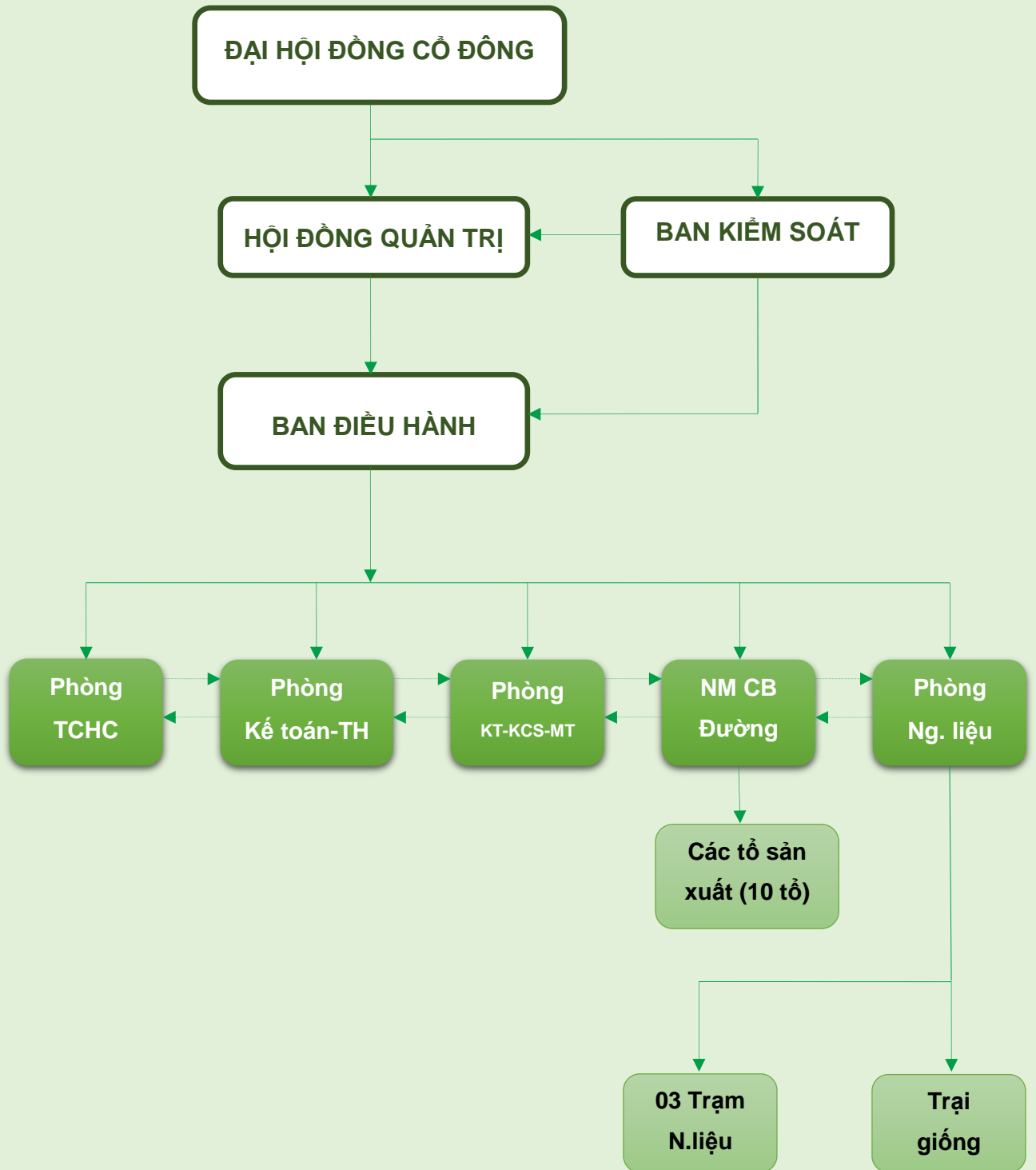
2013  
- Nay

**50.7**  
tỷ đồng

Niêm yết bổ sung 1.170.000 cổ phiếu trên HNX



Sơ đồ tổ chức



Công ty con, công ty liên kết: Không có



## Định hướng phát triển

### Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

- Khai thác hết năng suất diện tích mía đứng hiện có;
- Tiếp tục đầu tư phát triển mở rộng vùng nguyên liệu;
- Chú trọng công tác phổ biến các ứng dụng kỹ thuật canh tác và phương pháp phòng chống sâu bệnh đến các hộ nông dân nhằm tăng năng suất và tăng thu nhập cho người nông dân;
- Đảm bảo thực hiện đúng quy trình vận hành nhằm đảm bảo công suất kế hoạch;
- Đào tạo và huấn luyện nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn cho người lao động;
- Duy trì và không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ thông qua các khách hàng truyền thống và thị trường tiềm năng;
- Thực hiện đồng loạt các giải pháp nhằm thực hành tiết kiệm chi phí như: chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, bán hàng, quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, v.v...



### Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- **Mục tiêu đối với môi trường:** Thực hiện đầy đủ các quy định về khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên môi trường với mục tiêu hướng đến phát triển bền vững
- **Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng:** Trách nhiệm với xã hội, cộng đồng là một phần quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp. Công ty luôn chủ động hài hoà quyền lợi của doanh nghiệp với quyền lợi của Cộng đồng. Theo đó, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động từ thiện, góp sức cùng chính quyền thực hiện các chương trình xóa đói, giảm nghèo, giúp đỡ các hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.



### Các rủi ro

#### Rủi ro kinh tế

Kinh tế - xã hội nước ta 6 tháng đầu năm 2016 diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế toàn cầu tăng nhưng với tốc độ chậm lại. Kinh tế Trung Quốc tiếp tục suy giảm, các nền kinh tế phát triển như Mỹ, Nhật Bản và EU tăng trưởng yếu. Giá cả hàng hóa thế giới vẫn ở mức thấp, thương mại và đầu tư toàn cầu kém sôi động, dòng vốn lưu chuyển đang giảm, cùng với biến động khó lường của thị trường tài chính, tiền tệ thế giới đã tác động đến kinh tế nước ta, nhất là hoạt động xuất khẩu và thu ngân sách Nhà nước. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, lạm phát cơ bản tháng 6/2016 tăng 0,13% so với tháng trước và tăng 1,88% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng đầu năm 2016 tăng 1,80% so với bình quân cùng kỳ năm 2015.

Đối với ngành mía đường, trong khi nguồn cung không thiếu nhưng giá đường vẫn duy trì ở mức cao so với hồi đầu năm là do sản lượng mía giảm nhiều do hạn, mặn. Đầu niên vụ 2015 - 2016, để khuyến khích nông dân trồng mía, nhiều nhà máy đường đã tăng giá thu mua mía lên khá nhiều. Vì thế, các nhà máy đang buộc phải điều chỉnh giá đường bán ra theo hướng tăng lên để bù chi phí sản xuất, nhất là trong bối cảnh giá đường trên thế giới tăng do ảnh hưởng của El Nino. Bên cạnh nguyên nhân khách quan như trên thì việc một số doanh nghiệp, nhà buôn trung gian tranh thủ găm hàng, đầu cơ cũng khiến giá đường bị đẩy lên cao. Trong khi đó, giá đường Thái Lan lại thấp hơn rất nhiều so với giá đường trong nước cũng phần nào làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty.

#### Rủi ro giá hàng hóa, nguyên liệu

Nguyên liệu đầu vào là cây mía nhưng do lợi nhuận từ trồng mía không cao nên nông dân chuyển sang trồng các loại cây khác như cây ăn quả, hoa màu ngắn ngày. Hệ quả là sản lượng mía sụt giảm, các nhà máy thiếu nguyên liệu sản xuất. Dẫn đến việc mua nguyên liệu với giá cao sẽ làm giá đường bán ra cao, khó có thể cạnh tranh. Rủi ro từ thời tiết như hạn hán, xâm nhập mặn, ... cũng là một yếu tố gây khó khăn tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Nhưng với việc đề ra chính sách bao tiêu với các hộ nông dân, hỗ trợ nông dân sản xuất đã khiến cho Công ty có thể chủ động được nguồn cung, đồng thời kiểm tra được chất lượng đầu vào từ ban đầu để có những chính sách kịp thời nếu rủi ro xảy ra.

#### Rủi ro luật pháp

Hoạt động của KTS chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản luật liên quan. Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi đó sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong lĩnh vực mía đường, chưa có những quy định luật pháp chặt chẽ để làm cơ sở xác định lợi ích giữa người trồng mía và doanh nghiệp sản xuất như thế nào khiến việc phân chia lợi nhuận trong chuỗi cũng là vấn đề không nhỏ.





### Rủi ro đặc thù ngành

Mặc dù ngành mía đường thuộc danh mục đang được bảo hộ của Chính phủ, song các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này đang phải đối diện với nhiều khó khăn do chính đặc thù ngành kinh doanh của mình: Với những yếu kém cố hữu về kỹ thuật, cơ giới cùng với hệ thống cơ sở hạ tầng (hệ thống tưới tiêu, đường vận chuyển, v.v...) chưa được hoàn thiện, mía đường Việt Nam đang có tỷ lệ thất thoát rất cao trong quá trình thu hoạch và vận chuyển (10-15% lượng đường so với mức 1-2% của các nước khác). Bên cạnh đó, chất lượng cây giống chưa tốt, trữ đường thấp cùng với chính sách quy hoạch vùng nguyên liệu, hỗ trợ người nông dân ở địa phương chưa hợp lý là những nguyên nhân cơ bản làm giá thành sản phẩm đường tại Việt Nam luôn ở mức cao, kém cạnh tranh so với các nước khác..

### Rủi ro cạnh tranh

Đường nhập lậu vào Việt Nam chủ yếu từ Thái Lan qua biên giới phía Tây Nam, ước tính lượng đường nhập lậu trung bình hàng năm vào khoảng 300-500 ngàn tấn, chiếm 30% tổng sản lượng đường sản xuất trong nước. Giá đường tại Thái Lan thường thấp hơn Việt Nam từ 1.000-1.500 đồng/kg, do vậy đường nhập lậu tràn về sẽ thao túng giá đường trong nước và ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ của các nhà máy đường, đặc biệt là những nhà máy khu vực phía Nam gần với biên giới Tây Nam. Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng dư cung và đường tồn kho tăng cao 3 năm trở lại đây. Hơn nữa, trong lộ trình cam kết với các thành viên ASEAN, thì chậm nhất đến năm 2018, Việt Nam phải thực hiện cam kết xóa bỏ hạn ngạch thuế quan mặt hàng đường.

Trước nhiều khó khăn chung trong nước, CTCP Đường Kon Tum vẫn luôn không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ xứng đáng với thương hiệu, đủ tiêu chuẩn để đảm bảo tính cạnh tranh.

### Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động giá cả, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

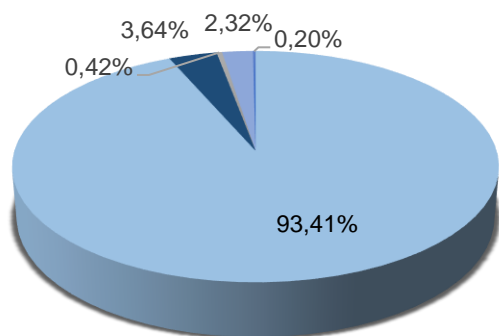
Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

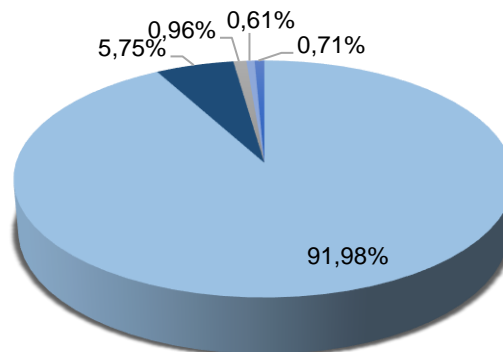
## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	6 tháng đầu năm năm 2016	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016
1	Doanh thu bán đường	273.934.421.242	184.915.276.573	93,41%	91,98%
2	Doanh thu bán mật	10.678.998.095	11.558.476.191	3,64%	5,75%
3	Doanh thu bán bã bùn	1.224.659.145	1.924.223.892	0,42%	0,96%
4	Doanh thu bán phân bón	6.815.217.640	1.217.184.500	2,32%	0,61%
5	Doanh thu khác	596.691.103	1.424.239.763	0,20%	0,71%
<b>Tổng cộng</b>		<b>293.249.987.225</b>	<b>201.039.400.919</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

### Năm 2015



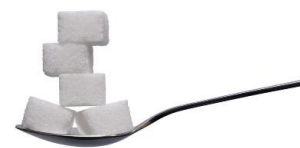
### Năm 2016



■ Doanh thu bán đường ■ Doanh thu bán mật ■ Doanh thu bán bã bùn  
■ Doanh thu bán phân bón ■ Doanh thu khác

Doanh thu bán đường luôn chiếm hơn 90% cơ cấu doanh thu của Công ty qua các năm. Doanh thu cho mảng này đã chiếm hơn 67% so với năm 2015. Mảng kinh doanh lớn thứ hai là doanh thu bán mật chiếm 5,75% trong cơ cấu doanh thu năm 2016 và tăng hơn 8% so với năm 2015 mặc dù chỉ mới 6 tháng đầu năm 2016.





STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2015	TH 6 tháng đầu năm 2016	KH 6 tháng đầu năm 2016(*)	TH/KH 6 tháng đầu năm 2016	
1	Sản lượng mía qua cân (mía thô)	Tấn	175.321	135.341,89	124.750	108,49%	
2	Sản lượng mía sạch		168.922	130.705,562	120.446	108,52%	
3	Sản lượng đường sản xuất được		17.893	14.036,80	12.871	109,06%	
4	Tỷ lệ mía/đường	M/Đ	9,52	9,41	9,36	100,53%	
5	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	21.957	14.043,44	12.900	108,86%	
6	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	292.951	201.039	177.496	113,26%	
7	Giá vốn hàng bán		255.050	163.717	-	-	
8	Lợi nhuận gộp		37.901	37.322	-	-	
9	Doanh thu từ hoạt động tài chính		2.956	1.612	-	-	
10	Chi phí tài chính		1.926	64	-	-	
11	Chi phí bán hàng		2.626	777	-	-	
12	Chi phí quản lý doanh nghiệp		13.038	3.350	-	-	
13	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		23.266	34.743	-	-	
14	Lợi nhuận khác		-158	-1.451	-	-	
15	Lợi nhuận trước thuế		23.108	33.292	20.486	162,51%	
16	Thuế TNDN		117	237	-	-	
17	Lợi nhuận sau thuế		22.992	33.054	20.486	161,35%	
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		Đồng	4.535	6.520	-	-
19	Cổ tức		%	20%	-	7.5-10	-

(\*) Giai đoạn từ ngày 1/1/2016 đến ngày 30/6/2016. Do Công ty thay đổi năm tài chính, thời gian hoạt động năm 2016 chưa đủ 1 năm nên Công ty không tính toán biến động của các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của năm 2016 so với năm 2015 và kế hoạch năm 2016.

Mặc dù tình hình mía thu hoạch ở nửa đầu năm 2016 có nhiều khó khăn nhưng sản lượng mía năm 2016 đã vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra. Từ đó, sản lượng đường sản xuất được cũng vượt kế hoạch hơn 9%. Tỷ lệ mía/đường tăng là nguyên nhân làm tăng giá thành khiến cho giá bán ra tăng cao hơn, góp phần làm tăng doanh thu. Doanh thu thuần năm 2016 tuy chỉ tính ở nửa đầu năm đã đạt hơn 98,93% so với năm 2015, các yếu tố chi phí vận chuyển mía, tiêu hao vật tư, hóa chất... giảm so với kế hoạch nên khiến lợi nhuận vượt chỉ tiêu 61,35% (33,1 tỉ đồng). Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 6.520 đồng.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

## Tổ chức và nhân sự

### Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

#### **Ông Đặng Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

<b>Năm sinh</b>	14/09/1978 tại Củ Chi – TP.HCM
<b>Số CMND</b>	023302165 cấp ngày 25/4/2011 tại TP.HCM
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
<b>Quá trình công tác</b>	2006 – 2007: Công tác tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long 2007 – 2008: Công tác tại CTCP Chứng khoán Việt Quốc 2009 – 2010: Công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước chi nhánh khu vực phía Nam 2006 – 2010: Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Đắk Nông 2010 – 2011: Thành viên HĐQT CTCP XNK Lâm Thủy sản Bến tre 05/2013 – 03/07/2015: Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum 3/7/2015 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Kon Tum
<b>Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác</b>	Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Bến Tre TGD Công ty CP Đầu tư Vương Quốc Việt (2010-Nay)
<b>Số cổ phần nắm giữ</b>	0 cổ phần
<b>Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ</b>	Trần Thị Thái – Mẹ, sở hữu 152.100 cổ phần, chiếm 3% số cổ phần có quyền biểu quyết

#### **Ông Lê Hồng Thái – Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị**

<b>Năm sinh</b>	22/12/1952 tại Thanh Hóa
<b>Số CMND</b>	022053076 cấp ngày 27/09/2014 tại TP. HCM
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Đại học Luật
<b>Quá trình công tác</b>	1995- nay: Công tác tại CTCP XNK Ngũ Cốc 3/7/2015 – nay: Phó Chủ tịch thường trực HĐQT CTCP Đường Kon Tum 30/3/0216 – nay: TGD CTCP Đường Kon Tum
<b>Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác</b>	Chủ tịch HĐQT CTCP XNK Ngũ Cốc
<b>Số cổ phần nắm giữ</b>	0 cổ phần
<b>Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ</b>	0 cổ phần

#### **Ông Trần Ngọc Hiếu – Thành viên Hội đồng quản trị**

<b>Năm sinh</b>	12/10/1956 tại Hà Nội
<b>Số CMND</b>	022704756 cấp ngày 02/04/2001 tại TP HCM
<b>Địa chỉ thường trú</b>	294 Hùng Vương, Phường 15, Quận 5, TP HCM
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Kinh doanh



<b>Quá trình công tác</b>	1976 – 1981: Thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia mặt trận chiến trường Campuchia 1982 – nay: Chuyên ngành Kinh doanh Lương thực thực phẩm 3/7/2015 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum
<b>Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác</b>	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Mía đường Tuy Hòa, CTCP Mía đường Đăknông; TGD Công ty CP Mía đường Sơn La.
<b>Số cổ phần nắm giữ</b>	74.529 cổ phần chiếm 1,47% số cổ phần có quyền biểu quyết
<b>Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ</b>	Trần Thị Thái – Chị, sở hữu 152.100 cổ phần, chiếm 3% số cổ phần có quyền biểu quyết Tạ Ngọc Hương – Vợ, sở hữu 251.000 cổ phần, chiếm 4,95% số cổ phần có quyền biểu quyết Trần Ngọc Lan – Con, sở hữu 250.000 cổ phần, chiếm 4,93% số cổ phần có quyền biểu quyết Trần Ngọc Tuấn – Con, sở hữu 246.532 cổ phần, chiếm 4,86% số cổ phần có quyền biểu quyết

#### ***Ông Nguyễn Thắng – Thành viên Hội đồng quản trị***

<b>Năm sinh</b>	06/02/1968 tại Triệu Long – Triệu Phong – Quảng Trị
<b>Số CMND</b>	233211106 cấp ngày 9/6/2011 tại CA KonTum
<b>Địa chỉ thường trú</b>	22/8 Tăng Bạt Hổ, TP.Kon Tum, tỉnh Kon Tum
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Chuyên ngành Hóa học-Đại học Tổng hợp Huế; Cử nhân kinh tế - Đại học Đà Nẵng
<b>Quá trình công tác</b>	1995-1997: Công tác tại Phòng Kỹ Thuật – Công ty mía đường Gia lai 1997-2011: Phó phòng Kỹ thuật - Chất lượng - Sản phẩm, Công ty CP đường Kon Tum. 2011-2014: Phó phòng Tổ chức - Hành chính - Nhân sự, Công ty CP Đường Kon Tum. 4/2015 -5/2016: Giám Đốc Nhà máy Đường, Công ty CP Đường Kon Tum. 5/2016-Nay: Phó TGD Công ty CP Đường Kon Tum
<b>Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác</b>	Từ 5/2016 đến nay: TVHĐQT Cty CP Mía Đường Sơn La
<b>Số cổ phần nắm giữ</b>	0 cổ phần
<b>Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ</b>	0 cổ phần

#### ***Ông Nguyễn Sỹ Hà – Thành viên Hội đồng quản trị***

<b>Năm sinh</b>	23/07/1972 tại Thị trấn Thạch Hà, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh.
<b>Số CMND</b>	233159577 cấp ngày 31/5/2008 tại CA Kon Tum
<b>Địa chỉ thường trú</b>	Số 16, Đường Tô Hiến Thành, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Trình độ chuyên môn	CNKT Chế biến Đường, Cử nhân Luật.
Quá trình công tác	<p>Từ năm 1998 đến năm 2003 công tác tại phân xưởng sản xuất Công ty mía đường Kon Tum. Giữ các chức vụ từ Tổ trưởng đến Trưởng ca sản xuất.</p> <p>Từ 2003-4/2016: nay công tác tại phòng Tổ chức Hành chính Công ty Đường Kon Tum (nay là Công ty cổ phần Đường Kon Tum). Giữ các chức vụ: Chuyên viên, Phó phòng đến Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.</p> <p>Từ 5/2016 đến nay: TVHQQT Công ty CP Đường Kon Tum, kiêm Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Công ty.</p>
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	245, chiếm 0,005% số cổ phần có quyền biểu quyết
Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ	0 cổ phần

### Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

#### ***Bà Trần Thị Nhi – Trưởng Ban Kiểm soát***

Năm sinh	25/10/1964
Số CMND	0254933493 cấp ngày 21/07/2011 tại TP HCM
Địa chỉ thường trú	128/6 Bàn Cờ, Phường 3, Quận 3, TP HCM
Trình độ chuyên môn	Đại học Kế toán
Quá trình công tác	<p>1991 – 03/2010: Lần lượt là Phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng và Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị</p> <p>04/2010 – 09/2013: Phó Giám đốc CTCP Thương mại – Dịch vụ Quảng Trị</p> <p>11/2013 – nay Công tác tại Công ty TNHH Kim Hà Việt</p> <p>03/07/2015 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum</p>
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Chuyên viên Công ty TNHH Kim Hà Việt
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ	0 cổ phần

#### ***Nguyễn Thị Thủy – Thành viên Ban Kiểm soát***

Năm sinh	13/03/1960
Số CMND	280096294 cấp ngày 04/09/2001 tại Bình Dương
Địa chỉ thường trú	158 KP Hưng Thọ, P. Hưng Định, Thuận An, Bình Dương
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính Kế toán



<b>Quá trình công tác</b>	1985 – 1987: Cục Thuế Bình Dương 1987 – 2014: CTCP Đường Bình Dương 2014 – nay: Công ty TNHH Kim Hà Việt 03/07/2015 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đường Kontum
<b>Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác</b>	Kế toán trưởng Công ty TNHH Kim Hà Việt
<b>Số cổ phần nắm giữ</b>	0 cổ phần
<b>Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ</b>	0 cổ phần

#### ***Ông Nguyễn Đức Cần – Thành viên Ban Kiểm soát***

<b>Năm sinh</b>	20/01/1971 tại Thị Trấn Mộ Đức – Huyện Mộ Đức – Tỉnh Quảng Ngãi
<b>Số CMND</b>	233177566 cấp ngày 18/6/2009 tại CA Kon Tum
<b>Địa chỉ thường trú</b>	Xã Vinh Quang, TP.Kon Tum, tỉnh Kon Tum
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân Kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>	1990-1992: Học ngành Điện, tại Trường Cơ điện Quy Nhơn 1996-1997: Học nghề Kiểm tra Chất lượng Thực phẩm, tại Trường Trung học Nông nghiệp Công nghiệp Thực phẩm Đà Nẵng Năm 1997 đến tháng 12/2005: Công tác tại Công ty Mía Đường Kon Tum, Nhà máy Đường với chức danh, Tổ trưởng Tổ KCS 2002-2006: Học Đại học Quản trị Kinh doanh, tại Trường Đại học Đà Nẵng Tháng 01/2006 đến tháng 8/2013: Công tác tại Phòng Kế hoạch Kinh Doanh- Tổng hợp Công ty Đường Kon Tum, với chức danh Nhân viên Tháng 9/2013 – Nay: Công tác tại Phòng Tổ chức –Hành chính, với các chức danh Phó phòng, Trưởng phòng TCHC.
<b>Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác</b>	Không có
<b>Số cổ phần nắm giữ</b>	100 cổ phần, chiếm 0,002% số cổ phần có quyền biểu quyết
<b>Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ</b>	0 cổ phần

#### **Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

##### ***Ông Lê Hồng Thái – Tổng Giám đốc***

Xem phần SYLL HĐQT

##### ***Ông Nguyễn Thắng – Phó Tổng Giám đốc***

Xem phần SYLL HĐQT

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

## Ông Hồ Minh Tường – Kế toán trưởng

Năm sinh	05/06/1966 tại Bình Định
Số CMND	233041570 cấp ngày 08/10/2009 tại Kon Tum
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	12/1986 – 09/1989: Nhân viên phòng tài chính huyện Mang Yang – Tỉnh Gia Lai – Kon Tum 09/1989 – 1991: Nhân viên Phòng tài chính Ngành – Sở Tài chính vật giá tỉnh Gia Lai – Kon Tum 1991 – 1995: Phó phòng Tài chính Ngành – Sở Tài chính vật giá tỉnh Kon Tum 1995 – 07/2008: Kế toán trưởng Công ty Đường Kon Tum 07/2008 – nay: Kế toán trưởng CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	126 cổ phần, chiếm 0,002% số cổ phần có quyền biểu quyết
Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ	0 cổ phần

## Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2016

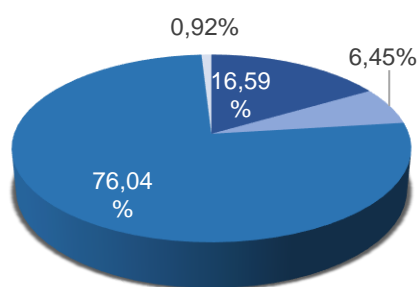
STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Lý do
1	Ông Nguyễn Thắng	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	12/4/2016		ĐHĐCĐ thường niên 2016 bầu; HĐQT bổ nhiệm chức vụ PTGD.
2	Ông Nguyễn Sỹ Hà	Thành viên HĐQT	12/4/2016		ĐHĐCĐ thường niên 2016 bầu
3	Ông Nguyễn Xuân Minh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	3/7/2015	12/4/2016	ĐHĐCĐ thường niên 2016 miễn nhiệm; HĐQT miễn nhiệm chức vụ TGD, chấm dứt hợp đồng lao động
4	Ông Nguyễn Đức Cẩn	Thành viên BKS	12/4/2016		ĐHĐCĐ thường niên 2016 bầu
5	Ông Nguyễn Ngọc Hoài Phương	Thành viên BKS		12/4/2016	ĐHĐCĐ thường niên 2016 miễn nhiệm
6	Ông Lê Hồng Thái	Thành viên HĐQT kiêm TGD	30/3/2016		HĐQT bổ nhiệm giữ chức vụ TGD



## Số lượng cán bộ công nhân viên

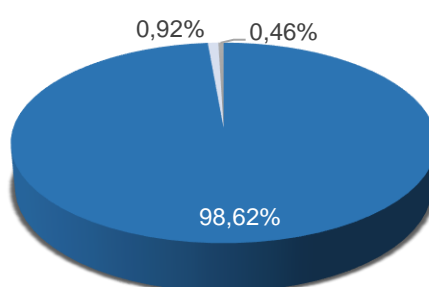
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>217</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ trên đại học	-	-
2	Trình độ đại học, cao đẳng	36	16,59%
3	Trình độ trung cấp	14	6,45%
4	Công nhân kỹ thuật	165	76,04%
5	Lao động phổ thông	2	0,92%
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>217</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	214	98,62%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	2	0,92%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	1	0,46%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>217</b>	<b>100%</b>
1	Nam	168	77,42%
2	Nữ	49	22,58%

### Theo trình độ lao động



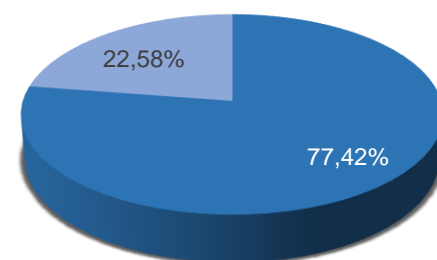
- Trình độ đại học, cao đẳng
- Trình độ trung cấp
- Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

### Theo hợp đồng lao động



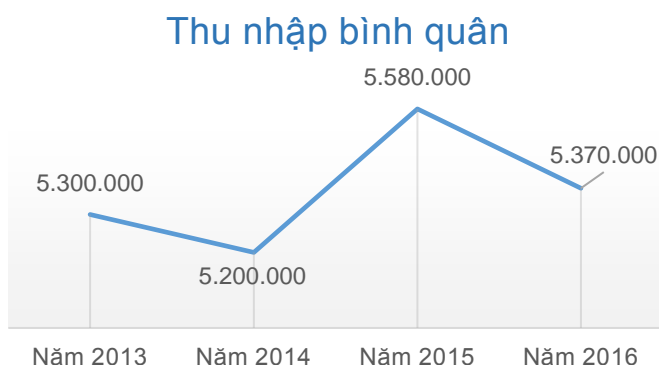
- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm

### Theo giới tính



- Nam
- Nữ

	Thu nhập bình quân (Đồng)
<b>Năm 2013</b>	5.300.000
<b>Năm 2014</b>	5.200.000
<b>Năm 2015</b>	5.580.000
<b>Năm 2016</b>	5.370.000



## Chính sách nhân sự

### Về môi trường công việc

Công ty luôn cố gắng tối đa trong việc tạo ra một môi trường làm việc năng động, thân thiện và tôn trọng giữa người sử dụng lao động với người lao động, giữa lãnh đạo với nhân viên. Tất cả các cán bộ công nhân viên làm việc tại CTCP Đường Kon Tum đều được tạo cơ hội để phát huy tối đa khả năng và vốn kiến thức hiểu biết của mình. Những đóng góp, chia sẻ và cống hiến luôn được ghi nhận và đánh giá kịp thời.

### Về chính sách lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Công ty áp dụng nhiều chính sách khen thưởng gắn liền với thành tích công việc và hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực trong quá trình làm việc cho cán bộ công nhân viên. Một số chính sách khen thưởng được áp dụng như:

- Thưởng theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận;
- Thưởng tiết kiệm vật tư, nguyên liệu;
- Thưởng sáng kiến cải tiến;
- Thưởng đạt các danh hiệu thi đua..

Đối với chế độ đãi ngộ, Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện chính sách khác như: Phụ cấp, trợ cấp theo năng lực và kinh nghiệm; Chương trình khám sức khỏe định kỳ; Tham gia các hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan nghỉ mát ... cho cán bộ công nhân viên.





## Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Không có.

## Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	06 tháng đầu năm 2016
Tổng tài sản		154.171	147.073
Doanh thu thuần		292.951	201.039
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	23.266	34.743
Lợi nhuận khác		(158)	(1.451)
Lợi nhuận trước thuế		23.108	33.292
Lợi nhuận sau thuế		22.992	33.054
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		Đồng	4.535
Tỷ lệ cổ tức	%	20%	-

(\*) Giai đoạn từ ngày 1/1/2016 đến ngày 30/6/2016. Do Công ty thay đổi năm tài chính, thời gian hoạt động năm 2016 chưa đủ 1 năm nên Công ty không tính toán biến động của các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của năm 2016 so với năm 2015.





## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,40	14,73
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,10	14,01
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	15,90	4,87
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	19,00	5,12
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,60	22,27
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,0	1,33
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,80	16,44
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	18,80	24,53
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quâ	%	15,60	21,95
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	7,90	17,28

## Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### Thông tin cổ phiếu

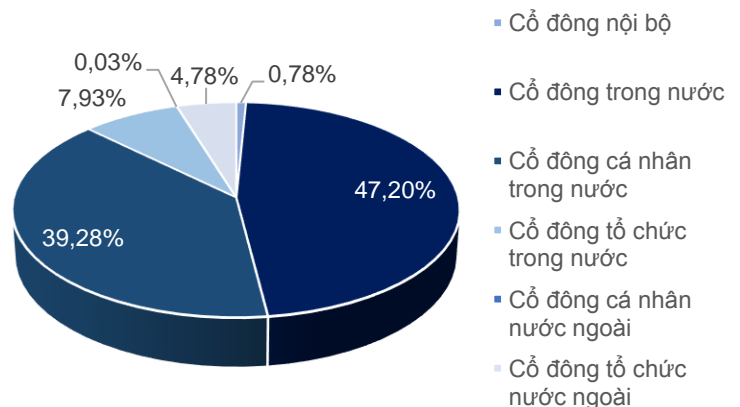
Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 5.070.000 cổ phiếu

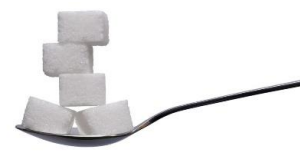
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.070.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

### Cơ cấu cổ đông





## Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 30/09/2016)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông nội bộ	75.000	750.000.000	1,48%
II	Cổ đông trong nước	4.532.870	45.328.700.000	89,41%
1	Cá nhân	3.771.831	37.718.310.000	74,40%
2	Tổ chức	761.039	7.610.390.000	15,01%
III	Cổ đông nước ngoài	462.130	4.621.300.000	9,11%
1	Cá nhân	2.740	27.400.000	0,05%
2	Tổ chức	459.390	4.593.900.000	9,06%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.070.000</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>100%</b>

## Danh sách cổ đông lớn

(tính đến ngày 30/09/2016)

STT	Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Tất Đạt	358.800	7,08%
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn Kim Hà Việt	760.500	15,00%

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**Các chứng khoán khác:** Không có

## Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

Hiện nay, công tác bảo vệ môi trường đang được sự quan tâm của các doanh nghiệp cũng như toàn xã hội. CTCP Đường Kon Tum luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên, khí hậu,... xung quanh Công ty và trong khu vực. Bởi lẽ, môi trường là nơi để mọi cá thể sinh sống, làm việc; việc tác động xấu đến môi trường sẽ gây ra nhiều rủi ro cho công việc sản xuất kinh doanh của những cá thể trong đó. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng phát triển, các đối tác và người tiêu dùng bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Với mục tiêu phát triển bền vững, xây dựng Công ty trở lại là một đơn vị uy tín, chất lượng trong mắt người tiêu dùng và các đối tác thì vấn đề về môi trường càng phải được quan tâm hơn nữa, nhất là đối với một Doanh nghiệp trong lĩnh vực thực phẩm như KTS.

Trong ngành sản xuất đường, mối quan tâm hàng đầu về vấn đề môi trường là nước thải, khí thải, bã mía, bã bùn và tro lò. KTS đầu tư hệ thống máy móc hiện đại, định kỳ kiểm tra, sửa chữa nhằm đảm bảo công suất sản xuất vừa là một biện pháp để tiết kiệm nhiên liệu, nguyên liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường phát sinh do khí thải. Đánh giá các tác động đến môi trường xung quanh nhằm có những biện pháp kịp thời để tối thiểu hóa những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

**Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh****Công tác nguyên liệu****➤ Công tác thu mua mía nguyên liệu**

ĐVT: Tấn

Mía Nguyên liệu	Kế hoạch từ 01/01 đến 30/6/2016	Thực hiện từ 01/01 đến 30/6/2016	Tỷ lệ % TH/ KH
Mía đầu tư trong vùng	45.712,12	41.285,96	90,32
Mía đầu tư ngoài vùng	1.417,22	1.417,22	100
Mía ngoài vùng (bao tiêu)	77.621,58	92.638,71	119,35
<b>Tổng sản lượng</b>	<b>124.750,92</b>	<b>135.341,89</b>	<b>108,49</b>

Công tác thu mua từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016 đạt 108,49% so với kế hoạch là nhờ có sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Hội đồng quản trị Công ty, đã ban hành kịp thời chính sách, phương pháp thu mua mía hợp lý như: điều chỉnh giá thu mua theo từng thời điểm phù hợp với diễn biến trên thị trường; thực hiện thu mua một cách công khai, minh bạch; đánh giá tạp chất một cách khách quan, đúng theo thực tế; thanh toán tiền mua mía đầy đủ và kịp thời cho người dân (kể cả ngày thứ 7, Chủ nhật) nên các người dân đã phấn khởi bán mía cho Công ty.

**➤ Công tác vận chuyển mía nguyên liệu**

- Vụ 2015-2016, căn cứ công suất ép của Nhà máy, Công ty đã ký hợp đồng vận chuyển với Công ty TNHH MTV Đại Tiến, cân đối số lượng xe, chủng loại xe để bố trí từng vùng cho phù hợp và đảm bảo vận chuyển đủ mía cho Nhà máy hoạt động. Công ty đã xây dựng giá cước vận chuyển mía cho vụ ép 2015-2016 bình quân: 88.212,62 đồng/tấn. Giá cước vận chuyển thực hiện giai đoạn 01/01/2016 đến 30/06/2016 bình quân là: 87.400 đồng/tấn và cả vụ 2015-2016 bình quân là: 87.180 đồng/tấn (giảm so với kế hoạch vụ 2015 - 2016 là: 1.032,62 đồng/tấn).
- Tuy giá cước vận chuyển có giảm so với kế hoạch, nhưng hiệu quả của công tác thu mua vận chuyển chưa cao, còn nhiều vấn đề tồn tại gây bức xúc cho người dân như: Tài xế vận chuyển đòi tiền của dân; việc điều hành thu mua đốn chặt còn nhiều bất cập không theo quy trình đốn chặt của Nhà máy; Nhà thầu vận chuyển không đủ năng lực về phương tiện và tài chính..dẫn đến công tác điều hành vận chuyển còn lộn xộn làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự và hiệu quả chế biến của Nhà máy.





➤ **Công tác đầu tư phát triển vùng nguyên liệu**

Vùng nguyên liệu luôn được Công ty quan tâm đầu tư phát triển; tuy nhiên, những chính sách đầu tư trước đây chưa phù hợp với thực tế tại địa phương nên không khuyến khích được người dân gắn bó trồng mía, ổn định lâu dài. Chính vì thế, Hội đồng quản trị Công ty đã có những đề xuất để hỗ trợ cho người dân trong vụ đầu tư 2016 – 2017 cụ thể như sau:

- Hỗ trợ (không thu hồi) tiền cày đất và ký hợp đồng thuê cày đất với các chủ phương tiện cày theo quy trình kỹ thuật cày của Công ty và cùng với người trồng mía nghiệm thu chất lượng kỹ thuật cày, sau đó Công ty thanh toán tiền cày cho chủ phương tiện. Hỗ trợ cước vận chuyển mía giống, mua giống giao tại ruộng cho người dân và cơ cấu giống có năng suất chất lượng theo từng vùng.
- Hỗ trợ (cho không) bã bùn cho các hộ trồng mới và trồng lại (không thu hồi) để cải tạo và bổ sung dinh dưỡng cho đất trồng mía, tăng năng suất chất lượng mía. Cụ thể: đối với đất gò đồi: 25 tấn/ha; đối với đất ô nà: 20 tấn/ha.
- Đầu tư các giống mía mới có năng suất, chất lượng cao cho các hộ dân.
- Chính vì vậy, dự kiến trồng mới năm 2016 đạt 500ha. Trong đó: 400ha trong vùng và 100ha ngoài vùng. Phân đấu đến năm 2018, tổng diện tích đạt 3.000 ha, năm 2020 đạt 5.000ha.

➤ **Công tác thu hồi nợ đầu tư vùng nguyên liệu (số liệu đến 30/06/2016)**

<b>Kế hoạch thu hồi nợ vụ 2015-2016:</b>	<b>17.749.114.119 đồng</b>
Trong đó: + Trong vùng:	14.708.416.922 đồng
+ Ngoài vùng:	3.040.697.197 đồng
<b>Đã thu theo kế hoạch đến 30/06/2016 (Đạt 97,42%):</b>	<b>17.291.755.747 đồng</b>
Trong đó: + Trong vùng (Đạt 99,58%):	14.647.262.794 đồng
+ Ngoài vùng (Đạt 86,96%):	2.644.492.953 đồng
<b>Còn phải thu theo kế hoạch:</b>	<b>457.358.372 đồng</b>
Trong đó: + Trong vùng:	61.154.128 đồng
+ Ngoài vùng:	396.204.244 đồng

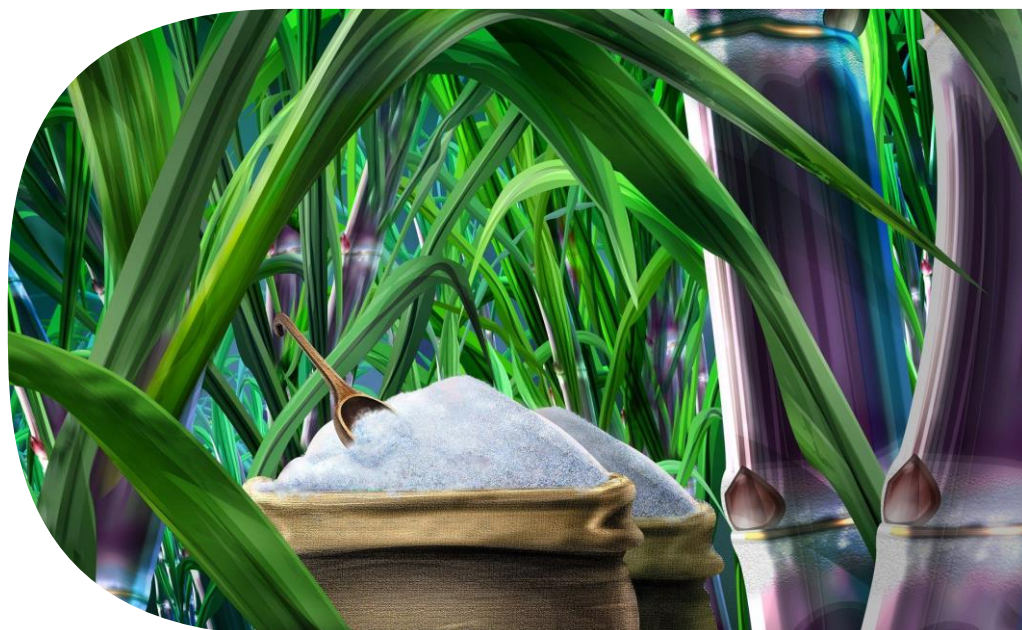
## Nguyên nhân thu nợ chưa đạt

- Một số diện tích trồng mới trong vùng gặp nắng hạn kéo dài, mía mọc không đảm bảo, không đủ sản lượng để trả nợ với số tiền là: 61.154.128 đồng chiếm 0,42% so với kế hoạch thu nợ trong vùng. Trong đó đã có biên bản xác nhận mía chết do thiên tai của chính quyền địa phương và đã xử lý nợ khó đòi theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐQT/2016 của Hội đồng quản trị Công ty ngày 30 tháng 06 năm 2016 số tiền là: 33.872.252 đồng.
- *Mía tại Xã Ia Mơ*: Một số hộ dân chặt lấy giống trồng vụ 2015-2016 nhận đầu tư để giảm nợ cũ, ghi nhận nợ mới. Công ty CP Đường KonTum đã dừng việc đầu tư tại xã Ia Mơ, vì đầu tư không có hiệu quả, rủi ro

cao do Mía ở vùng này thường bị cạnh tranh mua bán giữa các Nhà máy lân cận, việc thu nợ khó đảm bảo theo kế hoạch. Qua kiểm tra thực tế tại xã Ia Mơ thì diện tích của các hộ nhận đầu tư còn lại mía gốc là: 41,45 ha; Sản lượng bình quân: 49,04 tấn/ha; Tổng sản lượng dự kiến thu mua vụ 2016 – 2017 là: 2.032,85 tấn (tính cả sản lượng mía của các hộ không còn nợ). Tổng số nợ còn phải thu là: 693.668.484 đồng. Dự kiến nợ có khả năng thu được (tính theo diện tích mía gốc còn sản lượng để thu hoạch) là: 464.673.000 đồng

## ➤ Công tác Trại Giống mía

- Kết quả vụ 2015 – 2016 trại giống lỗ: 10.361.162 đồng. Sau khi được HĐQT phê duyệt phương án trồng và chăm sóc vụ 2016 – 2017 và kiện toàn lại công tác nhân sự, hoạt động của trại giống đã cơ bản ổn định, các định mức chi phí được kiểm soát tốt hơn, tiết kiệm hơn, hiện tại phần lớn diện tích mía phát triển tốt. Đến thời điểm 30/06/2016 chi phí đầu tư cho trại giống là: 311.926.470 đồng.
- Hiện nay tại Trại giống trồng các loại giống: K99-72, K88-92, K2000-89, KU00-1-58, K95-156, KPS01-25, My 5514. Diện tích mía đưa vào sản xuất: 15 ha. Năng suất dự kiến: 70 tấn/ha. Sản lượng dự kiến: 1.050 tấn. Lãi vụ 2016 -2017 dự kiến là: 213.915.090 đồng.





## Công tác sản xuất chế biến đường

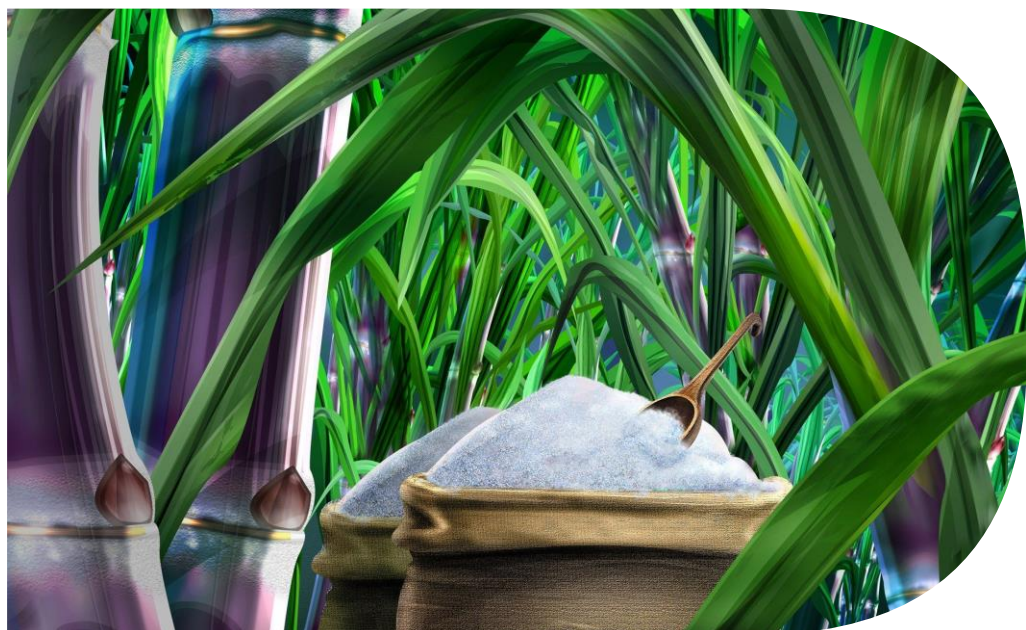
### ➤ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu

Đầu năm 2016 (vụ 2015-2016) thời tiết, khí hậu ở Miền Trung – Tây Nguyên hết sức khắc nghiệt dẫn đến chất lượng mía nguyên liệu của Công ty chưa đạt so với yêu cầu đề ra (*mía non, mía cháy nhiều* (8.823,24 tấn so với vụ trước là: 6.149,680 tấn); Song, nhờ công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị tốt nên hoạt động sản xuất chế biến 6 tháng đầu năm 2016, đã đạt được một số chỉ tiêu đáng ghi nhận như: hiệu suất ép, hiệu suất chế luyện, hiệu suất tổng thu hồi và hiệu suất an toàn thiết bị. Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch từ ngày 01/01 đến 30/06/2016	Thực hiện từ ngày 01/01 đến 30/06/2016	Tỷ lệ % thực hiện KH
1	SL mía đưa vào ép	Tấn	124.750,92	135.341,890	108,49
2	Trọng lượng mía sạch	Tấn	120.444,46	130.705,562	108,52
3	Pol mía	%	12,12	12,04	99,34
4	Chữ đường BQ	CCS	10,62	10,36	97,55
5	Đường thành phẩm	Tấn	12.871,65	14.036,80	109,05
6	Mật rỉ	Tấn	6.050	7.529	124,45
7	Bã bùn	Tấn	5.615	5.795	103,21
8	Công suất ép BQ/ngày	Tấn	1.782	1.689	94,78
9	Hiệu suất ép	%	95,67	95,28	99,59
10	Hiệu suất chế luyện	%	88,98	89,53	100,62
11	Hiệu suất tổng thu hồi	%	85,12	85,31	100,22
12	Hiệu suất an toàn T.bị	%	≥ 98	99,67	101,70
13	Tỷ lệ mía/đường (tính cho mía sạch)	M/Đ	9,36	9,41	Tăng 0,05 M/Đ

### ➤ Tiêu hao một số nguyên, nhiên vật liệu so với KH

Các chỉ tiêu nguyên, nhiên vật liệu sử dụng trong sản xuất giảm nhiều so với các vụ trước và đều nằm trong chỉ tiêu định mức do HĐQT ban hành.





# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

➤ Kết quả SXKD tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch từ 01/01 đến 30/06/2016	Thực hiện từ 01/01 đến 30/06/2016	Tỷ lệ % thực hiện KH
1	Sản lượng mía qua cân (mía thô)	Tấn	124.750,92	135.341,890	108,49
2	Sản lượng mía sạch	Tấn	120.444,46	130.705,562	108,52
3	Sản lượng đường SX	Tấn	12.871,65	14.036,80	109,05
4	Tỷ lệ mía/đường	M/Đ	9,36	9,41	Tăng 0,05
5	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	12.900	14.043,44	108,86
6	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	177.496	201.039	113,26
7	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr.đồng	20.486	33.291	162,51
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	20.486	33.054	161,35
9	Tỷ lệ chia cổ tức	% VDL	10	Dự kiến 40%	

Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2016 tăng từ 20,4 tỷ lên hơn 33 tỷ đạt 161% theo kế hoạch là do Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã nhạy bén, linh hoạt quyết định kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:



Tổ chức quản trị tốt các định mức kinh tế kỹ thuật trong giá thành sản phẩm dẫn đến các định mức nguyên nhiên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí vật liệu phụ đều giảm so với giá thành kế hoạch. Mua mía ngoài vùng trong một thời gian dài phải chất bãi làm giảm chất lượng mía nhưng tỷ lệ mía/đường tăng không đáng kể chỉ tăng 0.05% so với kế hoạch từ 9,36 lên 9,41 là chỉ tiêu chấp nhận được.



Sản lượng mía thu mua trong vùng chỉ đạt 90,32% (từ 45.712 tấn theo kế hoạch xây dựng xuống còn 41.285 tấn thực tế thực hiện). Nhưng, để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã tổ chức thu mua mía ngoài vùng một cách linh hoạt đưa ra nhiều mức giá thu mua khác nhau theo từng thời điểm từ 1.050.000 đồng/tấn tại bàn cân đến 1.350.000 đồng/tấn tại bàn cân, nhưng bình quân giá thu mua mía ngoài vùng trong 6 tháng đầu năm 2016 không vượt 1.100.000 đồng/tấn tại bàn cân. Với sản lượng thu mua lớn nhất tính từ khi nhà máy đi vào hoạt động đến nay, do đó dù số lượng mía trong vùng giảm nhưng Công ty vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng thu mua đạt 108,5%, sản xuất được 14.036,8 tấn đường đạt 109,5% kế hoạch, với mức lợi nhuận thuần 01 tấn đường sản xuất tiêu thụ xác định giữa giá bán bình quân có VAT và giá bán hòa vốn có VAT là 1.351.483 đồng/ tấn (1.819.248 đồng/tấn – 12.467.765 đồng/tấn). Công ty đã đạt lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh sản phẩm đường khoảng 19 tỷ. Sản lượng đường sản xuất tăng lên thì các phụ phẩm, phế phẩm cũng tăng lên tương ứng, do các chi phí sản xuất đã hạch toán vào giá thành đường cho nên doanh thu từ tiêu thụ sản phẩm phế phẩm là lợi nhuận thuần của Công ty. Trong 6 tháng đầu năm 2016, Công ty đã lãi từ hoạt động bán phụ phẩm, phế phẩm khoảng 14 tỷ.

Mặt khác, việc tiêu thụ sản phẩm kịp thời đã làm giảm chi phí lãi vay, tăng hiệu quả sử dụng vốn, trong 6 tháng đầu năm 2016 Công ty thu được 1.612 triệu đồng từ lãi tiền gửi ngân hàng và lãi bán hàng trả chậm cho khách hàng, trong khi đó chi phí phải trả cho lãi vay là 64 triệu đồng. Đến thời điểm 30/06/2016, Công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn là 55,5 tỷ đồng, tiếp tục tích lũy lợi nhuận từ doanh thu hoạt động tài chính cho niên độ 2016-2017.



## Tình hình tài chính

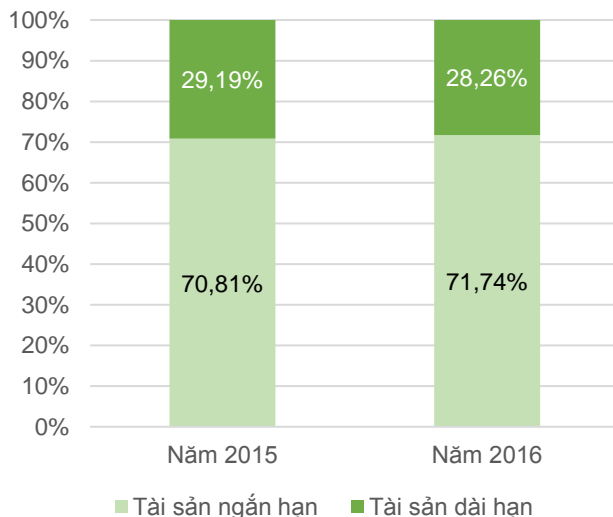
### Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	06 tháng đầu năm 2016(*)	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	109.163	105.504	70,81%	71,74%
<b>Tài sản dài hạn</b>	45.008	41.569	29,19%	28,26%
<b>Tổng tài sản</b>	154.171	147.073	100%	100%

(\*) Giai đoạn từ ngày 1/1/2016 đến ngày 30/6/2016. Do Công ty thay đổi năm tài chính, thời gian hoạt động năm 2016 chưa đủ 1 năm nên Công ty không tính toán biến động của các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của năm 2016 so với năm 2015.

### Tình hình tài sản



Về cơ cấu tài sản trong năm 2016, Tài sản ngắn hạn vẫn chiếm đa số với tỷ trọng 71,74% và tài sản dài hạn chỉ chiếm 28,26%, không có biến động lớn so với năm tài chính 2015. Về giá trị, tài sản ngắn hạn đạt 105,5 tỷ đồng. Các khoản tài sản ngắn hạn này được đóng góp từ phần tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng, khoản phải thu khách hàng là 35,6 tỉ tăng 16,22% so với đầu kỳ do khoản phải thu CTCP Đầu tư Vương Quốc Việt, Công ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên, Công ty TNHH Kim Hà Việt.

Tài sản dài hạn năm 2016 đạt 41,6 tỷ đồng giảm 7,64% so với đầu kỳ chủ yếu là do các khoản trích khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình đều tăng.

### Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	06 tháng đầu năm 2016	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016
<b>Nợ ngắn hạn</b>	Triệu đồng	24.589	7.161	100%	100%
<b>Nợ dài hạn</b>	Triệu đồng	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	Triệu đồng	24.589	7.161	100%	100%

Việc thanh toán nợ của Công ty luôn được đánh giá là tốt. Năm 2015 và năm 2016 không có khoản nợ dài hạn nào. Nợ ngắn hạn chiếm 100% trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty. Các khoản nợ phải trả của Công ty không có các khoản vay mà phát xuất từ các khoản mục phải trả người bán, người mua trả trước, phải trả người lao động, các khoản thuế phải nộp Nhà nước,...



## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### Công tác sửa chữa lớn năm 2016

Công tác tu bổ sửa chữa lớn được triển khai kịp thời, đảm bảo tiến độ, chất lượng, yêu cầu kỹ thuật và an toàn thiết bị. Các vướng mắc, tồn tại phát sinh trong quá trình tu bổ được khắc phục nhanh chóng kịp thời. Đến thời điểm hiện tại tiến độ công việc tu bổ sửa chữa lớn 2016 đạt được 100% so với kế hoạch.

Trong quá trình Tu bổ, công tác an toàn vệ sinh lao động, PCCN và BVMT được tuân thủ nghiêm túc đảm bảo ATVSLĐ 100%. Môi trường, cảnh quan ở phân xưởng luôn được quét dọn sạch sẽ, gọn gàng. Các chất thải nguy hại và rác thải công nghiệp được phân định, phân loại thu gom, phân loại và để đúng nơi quy định.

### Công tác tổ chức lao động, tiền lương

Sáu tháng đầu năm 2016 công ty đã kiện toàn căn bản tổ chức bộ máy, sắp xếp lao động theo từng vị trí công việc, lao động thực tế giảm 16 người so với định biên. Vụ 2015 -2016 là vụ đầu tiên Công ty có số lao động thấp nhất (B/Q 245 người). Tuy nhiên hoạt động sản xuất vẫn được tổ chức bình thường, dây chuyền sản xuất thông thoáng, không xảy ra ách tắc.

Công ty luôn chăm lo đến đời sống và thu nhập của người lao động, tiền lương được thanh toán đầy đủ và kịp thời, các chế độ của người lao động được thực hiện đúng quy định của Pháp luật. Tiền lương bình quân của người lao động 6 tháng đầu năm 2016: 5.370.000 đồng.

### Công tác BHLĐ, ATVSLĐ, PCCCN

Thường xuyên tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ để nâng cao nhận thức cho người lao động về công tác an toàn - vệ sinh lao động trong vụ sản xuất.

Thực hiện tốt việc cải thiện điều kiện làm việc, môi trường lao động, tạo điều kiện cho người lao động được làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hoạt động sản xuất hiệu quả, bền vững; phòng ngừa, ngăn chặn tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng, bảo quản trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, phương tiện phòng chống cháy nổ, phương tiện cấp cứu.

Người lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động được huấn luyện về công tác an toàn, vệ sinh lao động, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.

### Công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm

Nhờ có sự dự báo đúng đắn và linh hoạt, quyết đoán kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty nên công tác tiêu thụ 6 tháng đầu năm 2016 đã mang lại hiệu quả đáng kể cho Công ty.

## Kế hoạch phát triển trong tương lai

### ➤ Một số chỉ tiêu cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016-2017
1	Sản lượng mía đưa vào SX (mía thô)	Tấn	187.061
2	Sản lượng mía sạch	Tấn	181.450
3	Tiêu hao mía/đường	M/Đ	9,0
4	Sản lượng đường sản xuất	Tấn	20.161,11
5	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	20.161,11
6	Tổng doanh thu	Tr. đồng	272.617
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr. đồng	15.937
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	15.937
9	Tỷ lệ chia cổ tức	%	15-20





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Để thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên, đồng thời định hướng phát triển bền vững cho Công ty trong những năm tiếp theo, Ban Điều hành đề ra một số giải pháp, cụ thể như sau:

### ➤ Về công tác Nguyên liệu

Công ty xác định Nguyên liệu là một trong những yếu tố quyết định đến sự tồn tại hay không tồn tại của Công ty; để Công ty đứng vững, ổn định lâu dài, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương, cho CBCNLD trong Công ty, đảm bảo lợi nhuận cho cổ đông và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách đối với Nhà nước, đối với vùng Nguyên liệu Công ty cần tập trung một số vấn đề sau:

- Tiếp tục tìm ra cơ chế chính sách đầu tư phù hợp nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân gắn bó lâu dài, ổn định phát triển vùng nguyên liệu.
- Cơ cấu lại chất lượng giống cho phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu trong địa bàn tỉnh KonTum.
- Đưa khoa học kỹ thuật tiên tiến vào canh tác cây mía để tăng năng suất đạt  $\geq 100$  tấn/ha và Chứa đường  $\geq 10$  CCS.
- Tổ chức thu mua, đốn chặt và đánh giá chứa đường một cách công khai, minh bạch, tạo niềm tin cho người nông dân trồng mía.
- Mục tiêu phát triển mở rộng diện tích mía trong vùng từ nay đến năm 2018 đạt 3.000 ha và hướng đến năm 2020 đạt 5.000 ha.
- Để đảm bảo Nguyên liệu phục vụ cho sản xuất, cần xây dựng mô hình cánh đồng mẫu lớn để áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào canh tác để mang lại hiệu quả, tăng năng suất, chất lượng mía nguyên liệu và tiết kiệm được quỹ đất.

### ➤ Khối phòng ban nghiệp vụ, phục vụ

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh, phân khúc thị trường: trong tỉnh, ngoài tỉnh, các khách hàng truyền thống để làm cơ sở có kế hoạch tiêu thụ. Luôn tạo mối quan hệ mật thiết, bền vững với các khách hàng truyền thống của Công ty nhằm tiêu thụ hết sản phẩm, đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty. Tổ chức Hội nghị khách hàng để tăng cường sự quan hệ mật thiết với khách hàng; lắng nghe những kiến nghị của khách hàng từ đó có những điều chỉnh cần thiết trong quản trị doanh nghiệp, phục vụ tốt hơn cho khách hàng; qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục kiện toàn công tác nhân sự bộ máy quản lý, rà soát, định biên, tiết giảm, bố trí lại nguồn nhân lực ở các phòng ban chuyên môn và các tổ sản xuất theo hướng tinh gọn, đảm bảo đủ năng lực và phù hợp với cương vị công tác để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo yêu cầu mới.

### ➤ Khối sản xuất chế biến Đường

- Tiếp tục đầu tư cải tiến máy móc thiết bị, áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất chế luyện, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ tiêu hao mía/đường; tiếp tục rà soát tiết giảm các khoản chi phí, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực nhằm hạ giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh với thị trường.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào, các chỉ tiêu pol bùn, pol bã, AP mật rỉ, tránh rò rỉ, thất thoát trên dây chuyền; hạn chế triệt để đường thành phẩm hồi dung nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.



## Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ để nâng cao nhận thức cho người lao động về công tác an toàn - vệ sinh lao động trong vụ sản xuất.
- Thực hiện tốt việc cải thiện điều kiện làm việc, môi trường lao động, tạo điều kiện cho người lao động được làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hoạt động sản xuất hiệu quả, bền vững; phòng ngừa, ngăn chặn tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng, bảo quản trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, phương tiện phòng chống cháy nổ, phương tiện cấp cứu.
- Người lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động được huấn luyện về công tác an toàn, vệ sinh lao động, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.









## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tình hình chung về hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## Tình hình chung về hội đồng quản trị

Đầu năm 2016 (01/2016) Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường Kon Tum có 04 người (Ông Lưu Minh Trinh thành viên HĐQT xin thôi việc và thôi chức danh thành viên HĐQT kể từ tháng 10/2015). Đến ngày ngày 12/4/2016, tại ĐHĐCĐTN 2016 (niên độ tài chính 2015) Ông Nguyễn Xuân Minh thành viên HĐQT xin thôi chức danh thành viên HĐQT và đã được ĐHĐCĐ đồng ý miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân; cũng tại Đại hội này ĐHĐCĐ đã bầu Ông Nguyễn Thắng và Ông Nguyễn Sỹ Hà bổ sung vào HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018. Như vậy, hiện tại HĐQT Công ty vẫn cơ cấu đủ 05 thành viên theo quy định; trong đó đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty, trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 (niên độ tài chính 2015) và tình hình thực tế của Công ty, sau Đại hội đồng cổ đông thường niên (tháng 4/2016) Hội đồng Quản trị đã tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc tập trung củng cố, kiện toàn công tác tổ chức cán bộ trong toàn Công ty; triển khai quyết liệt kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã đề ra.

HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp để hoạch định chiến lược và đưa ra các Nghị quyết, quyết định để lãnh đạo chỉ đạo hoạt động của Công ty một cách kịp thời và hiệu quả, đó là:

- Tập trung chỉ đạo kiện toàn lại căn bản về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của Công ty đảm bảo tinh gọn và hiệu quả; Ban hành các quy chế hoạt động của Công ty đảm bảo đáp ứng với yêu cầu thực tiễn của Công ty và mang lại hiệu quả cao trong quá trình quản trị điều hành;
- Ban hành các chính sách đầu tư phát triển vùng Nguyên liệu phù hợp đảm bảo cho công tác phát triển diện tích Nguyên liệu và thu hồi nợ đầu tư hiệu quả nhất; Tiếp tục làm việc với các địa phương có tiềm năng về đất trồng mía để xây dựng chính sách hỗ trợ phù hợp, đầu tư mở rộng vùng Nguyên liệu đáp ứng công suất của Nhà máy.
- Chỉ đạo công tác Sửa chữa lớn năm 2016 đảm bảo chất lượng, tiến độ và tiết kiệm chi phí;
- Đầu tư bổ sung thiết bị để dây chuyền sản xuất hoạt động ổn định, liên tục và hiệu quả với công suất 1.800 tấn mía/ngày.

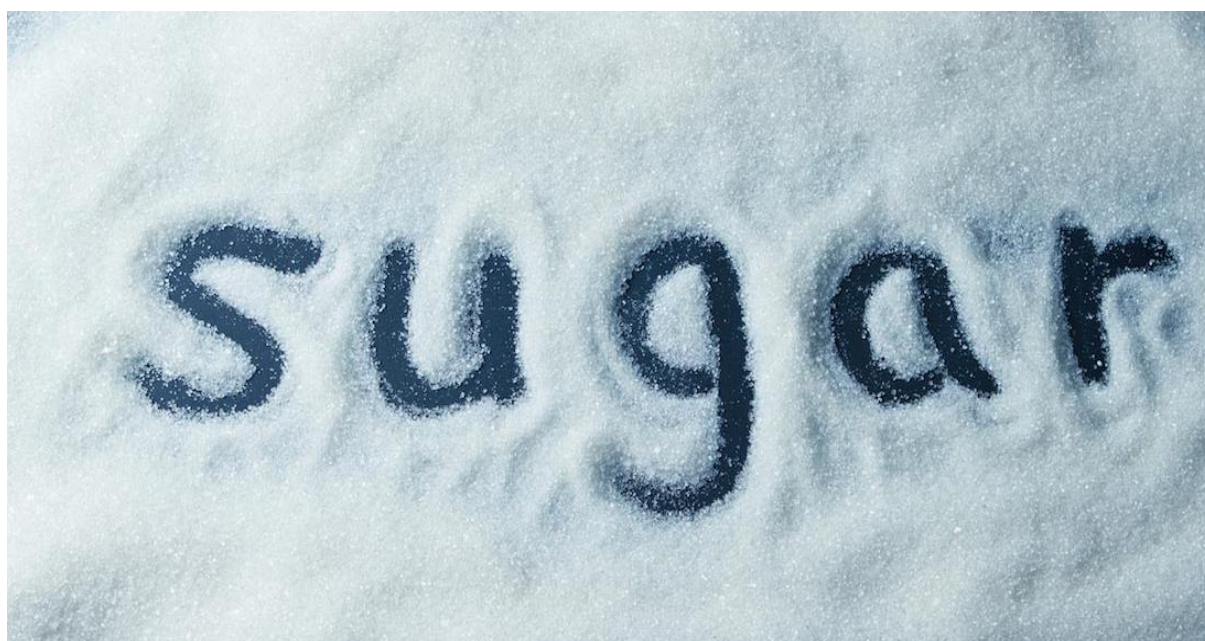


## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, quyết định hợp lý nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ SXKD do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Kết quả hoạt động SXKD niên độ 2016, phần nào đã đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông, đồng thời chăm lo được đời sống cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

### Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD so với NQ ĐHĐCĐ 2016

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch từ 01/01 đến 30/06/2016	Thực hiện từ 01/01 đến 30/06/2016	Tỷ lệ % thực hiện KH
1	Sản lượng mía qua cân (mía thô)	Tấn	124.750,92	135.341,890	108,49
2	Sản lượng mía sạch	Tấn	120.444,46	130.705,562	108,52
3	Sản lượng đường SX	Tấn	12.871,65	14.036,80	109,05
4	Tỷ lệ mía/đường	M/Đ	9,36	9,41	Tăng 0,05
5	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	12.900	14.043,44	108,86
6	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	177.496	201.039	113,26
7	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr.đồng	20.486	33.291	162,51
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	20.486	33.054	161,35
9	Tỷ lệ chia cổ tức	% VDL	10	Dự kiến 40	



## Về công tác đầu phát triển và thu mua Nguyên liệu

### ➤ Công tác đầu tư phát triển

- Vùng nguyên liệu luôn được Công ty quan tâm đầu tư phát triển bằng nhiều chính sách và giải pháp nhưng mức độ phát triển Vùng nguyên liệu vẫn còn hạn chế về diện tích lẫn năng suất. Nguyên nhân là do việc tổ chức thu mua, đốn chặt, phục vụ người trồng mía còn bất cập dẫn đến bà con nông dân trồng mía còn bức xúc; các chính sách đầu tư chưa khuyến khích được người nông dân gắn bó với cây mía, để phát triển ổn định lâu dài.
- Để phát triển vùng Nguyên liệu ổn định, đáp ứng đủ công suất cho Nhà máy; trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương, HĐQT tiếp tục đưa ra các chính sách hỗ trợ trình ĐHĐCĐ xem xét quyết định để thực hiện cho vụ 2016-2017 và những năm tiếp theo, đó là:
  - Hỗ trợ (không thu hồi) tiền cày đất, hỗ trợ cước vận chuyển mía giống cho bà con nông dân theo hình thức Công ty ký hợp đồng cày đất với các chủ phương tiện để cày, mua Giống giao tại ruộng cho nông dân theo quy trình kỹ thuật Cày và cơ cấu Giống có năng suất, chất lượng của Công ty đề ra và cùng với người nông dân trồng mía nghiệm thu chất lượng, kỹ thuật cày, sau đó Công ty thanh toán tiền cày cho chủ phương tiện.
  - Hỗ trợ (cho không) bã bùn cho các hộ trồng mới và trồng lại để cải tạo và bổ sung dinh dưỡng cho đất trồng mía, tăng năng suất, chất lượng mía, với mức: đất gò đồi: 25 tấn/ha; đất ô nà: 20 tấn/ha.
  - Đưa các giống mía mới có năng suất, chất lượng cao để trồng đại trà thay thế các loại giống cũ đã thoái hóa, kém chất lượng.

### ➤ Công tác thu mua Nguyên liệu niên độ 2016

Từ ngày 01/01 đến 30/06/2016 Công ty thu mua 135.341 tấn mía (cả trong và ngoài vùng) đạt 108,49% so với kế hoạch. Có được kết quả này là nhờ sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của HĐQT, đã ban hành kịp thời các chính sách, phương pháp thu mua hợp lý từ đó khuyến khích được người nông dân bán mía cho Công ty. (Chi tiết thể hiện qua Báo cáo của Tổng Giám đốc).

## Về công tác quản lý tài chính

Công tác quản lý Tài chính của Công ty từng bước được cải tiến một cách khoa học, đảm bảo tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban kiểm soát. Công tác thông tin, báo cáo thực hiện kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả. Các thủ tục trong công tác mua, bán, thanh, quyết toán được được đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo đúng quy trình, thủ tục và quy định của pháp luật.

## Công tác sản xuất chế biến và Tu bổ bảo dưỡng máy móc thiết bị

Công tác sản xuất chế biến Đường và Tu bổ bảo dưỡng máy móc thiết bị của Nhà máy niên độ 2016 có nhiều chuyển biến tích cực so với các năm trước. Máy móc thiết bị hoạt động ổn định, chất lượng Đường thành phẩm từng bước được nâng lên đáp ứng với nhu cầu của thị trường. Quá trình Tu bổ bảo dưỡng thiết bị đã tiết kiệm đáng kể về chi phí vật tư lẫn nhân công nhưng vẫn đảm bảo tiến độ và chất lượng. Vật tư, vật liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất chế biến đảm bảo theo định mức đã được HĐQT phê duyệt (Chi tiết thể hiện qua báo cáo của TGD).



## Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và bổ sung, nâng cấp máy móc thiết bị

Nhằm chỉnh trang lại khuôn viên, văn phòng làm việc để phục vụ cho công tác quản trị điều hành của Công ty đạt hiệu quả cao hơn và đảm bảo vệ sinh môi trường; duy trì dây chuyền sản xuất ổn định, liên tục, hiệu quả, đáp ứng công suất ổn định 1.800 tấn mía/ngày; trong thời gian qua Công ty đã đầu tư các hạng mục công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị, với tổng số tiền đầu tư theo dự toán là: 10.504.153.000 đồng;

Trong đó:

- Đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị (gồm: 01 Bàn Cân mía, 03 Biển tần máy ép, 01 Máy Ly tâm C, 01 bộ Cân đường TP): 3.660.000.000 đồng.
- Xây dựng Nhà làm việc khối Nguyên liệu, Nhà chờ lái xe, WC: 1.131.395.000 đồng.
- Xây dựng Cổng chính, tường rào, nhà Bảo vệ, nhà để xe cho công nhân: 974.508.000 đồng.
- Xây dựng kho đường thành phẩm: 3.600.000.000 đồng.
- Xây dựng Kho chứa vật tư: 1.138.250.000 đồng.
- Đến nay, các công trình cơ bản đã hoàn thành 90%, trong đó có một số công trình như Nhà làm việc nguyên liệu, nhà chờ xe, tường rào cổng chính .... đã hoàn thành 100%, đang tiến hành các thủ tục thanh quyết toán.
- Quá trình triển khai thực hiện, Công ty luôn tuân thủ đúng các quy trình, quy định về công tác đầu tư xây dựng cơ bản và trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

## Về tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và công tác tổ chức Điều hành hoạt động SXKD của Tổng Giám đốc

Trong công tác điều hành hoạt động của Công ty, Tổng Giám đốc đã kịp thời tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị một cách quyết liệt và thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật. Nội dung chỉ đạo và điều hành của Tổng Giám đốc luôn tuân thủ theo quy định hiện hành của pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Mối quan hệ với các cổ đông:

- Hội đồng Quản trị thường xuyên báo cáo, trao đổi, bàn bạc với cổ đông lớn về những chủ trương, chính sách lớn của Công ty để có những quyết sách đúng đắn trong quá trình quản trị điều hành.
- HĐQT thường xuyên có sự trao đổi nắm bắt thông tin về giá cả, thị trường tiêu thụ sản phẩm tại từng thời điểm đối với các cổ đông lớn, cổ đông chiến lược; thực hiện nghiêm túc việc mua bán, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của Công ty đảm bảo hài hòa lợi ích giữa cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và Công ty.
- Các cổ đông lớn, cổ đông chiến lược luôn có sự phối hợp chặt chẽ, tích cực tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT trong việc tiêu thụ sản phẩm cũng như kinh nghiệm đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, đầu tư phát triển vùng nguyên liệu và công tác quản lý sản xuất kinh doanh.

## Công tác phối hợp với tổ chức Đảng và các tổ chức Đoàn thể

- Thường xuyên duy trì và phối hợp tốt trong quá trình triển khai các công việc giữa Hội đồng Quản trị với BCH Đảng bộ, BCH Công đoàn, Đoàn Thanh niên để thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước, các Nghị quyết, Kế hoạch của Công ty để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ, nhằm xây dựng Công ty ngày càng phát triển.
- Chỉ đạo Ban Điều hành tạo điều kiện và ủng hộ kinh phí để các tổ chức đoàn thể hoạt động có hiệu quả theo đúng chức năng nhiệm vụ của mình, đưa các mặt hoạt động của Công ty đạt nhiều thành tích, góp phần thúc đẩy hoạt động SXKD có hiệu quả.

## Đánh giá khả năng thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

- Quá trình lãnh đạo, điều hành Hội đồng Quản trị luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều do Chủ tịch HĐQT chủ trì, có Ban Kiểm soát tham gia, được tiến hành hàng quý, nhằm thảo luận những vấn đề của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị đều được xây dựng trên nguyên tắc tập thể, đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên HĐQT, phù hợp với chức năng, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty.
- Định kỳ hoặc bất thường Hội đồng Quản trị tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc nhằm phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Nhìn chung sự quan tâm sâu sát của Hội đồng quản trị đã giúp cho Công hoạt động ổn định, vượt qua được những khó khăn, thách thức trong thời gian qua, đã hoàn thành vượt mức kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận niên độ 2016 (thể hiện qua Báo cáo tài chính niên độ 2016).





## Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương được ký kết từ đầu năm 2016, đã mang lại nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn cho Doanh nghiệp Việt Nam nói chung và ngành Mía Đường Việt Nam nói riêng trong năm 2016, 2017 và những năm tiếp theo.

Đối với Công ty cổ phần Đường Kon Tum có thể nói đây là giai đoạn hết sức khó khăn khi Vùng Nguyên liệu tại tỉnh nhà Kon Tum đang bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa, sự cạnh tranh khốc liệt của các loại cây trồng khác và tập quán sản xuất nhỏ lẻ, manh mún của cư dân địa phương; để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ổn định, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, đồng thời tạo việc làm, ổn định đời sống cho người lao động, Hội đồng Quản trị đề ra phương hướng hoạt động SXKD năm 2016-2017 với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

### Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2016-2017

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016-2017
1. Sản lượng mía đưa vào SX (mía thô)	Tấn	187.061
2. Sản lượng mía sạch	Tấn	181.450
3. Tiêu hao mía/đường	M/Đ	9,0
4. Sản lượng đường sản xuất	Tấn	20.161,11
5. Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	20.161,11
6. Tổng doanh thu	Tr. đồng	272.617
7. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr. đồng	15.937
8. Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	15.937
9. Tỷ lệ chia cổ tức	%	15-20

### Một số giải pháp thực hiện

- Tiếp tục nghiên cứu ban hành các chính sách đầu tư hỗ trợ và phục vụ người trồng mía một cách thiết thực hơn, hiệu quả hơn để phát triển vùng Nguyên liệu mía; từng bước ổn định vùng Nguyên liệu trọng điểm trên địa bàn tỉnh Kon Tum đạt 3.000 ha vào năm 2018 và 5.000 ha vào năm 2020.
- Triển khai chủ trương cơ cấu các loại giống mía mới có năng suất và chữ đường cao, thay thế triệt để các loại giống mía cũ hiện đang sản xuất.
- Đầu tư phát triển một số diện tích tại các Huyện lân cận ở Tỉnh Gia Lai để bổ sung Nguyên liệu cho Nhà máy hoạt động đảm bảo 100% công suất.
- Chỉ đạo quyết liệt công tác thu hồi nợ đầu tư nguyên liệu nhằm bảo toàn vốn cho Công ty và sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả.
- Tiếp tục đầu tư bổ sung, cải tiến máy móc thiết bị, áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất chế luyện, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ tiêu hao mía/đường; đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đảm bảo theo quy định của Nhà nước, tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường; tiếp tục rà soát tiết giảm các khoản chi phí, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực nhằm hạ giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh với thị trường.
- Tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo tính đầy đủ và phù hợp của các quy trình và quy chế, đảm bảo an toàn trong các mặt hoạt động.
- Nâng cao năng lực hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao năng lực tài chính, năng lực công nghệ, chất lượng sản phẩm, dịch vụ bán hàng, mở rộng thị trường, xây dựng khách hàng truyền thống để đảm bảo mục tiêu phát triển ổn định, bền vững.
- Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, năng động với đội ngũ cán bộ có trình độ quản lý và chuyên môn cao. Xây dựng cơ chế lãnh đạo, quản lý mới một cách có hệ thống, tiếp thu các tri thức kinh doanh mới để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.





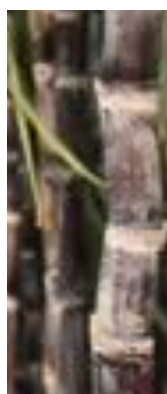
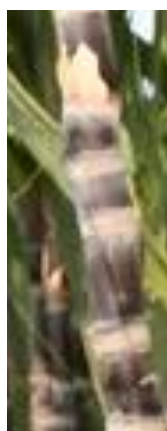
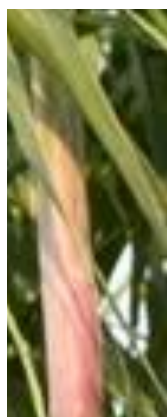
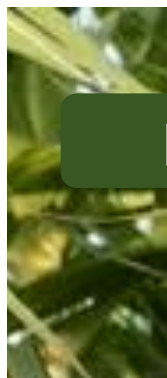


# BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



## Hội đồng quản trị

### Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01 /QĐ-HĐQT/2016	04/01/2016	Phê duyệt hệ thống thang bảng lương cán bộ công nhân viên
2	02/NQ-HĐQT/2016	04/01/2016	Nghị quyết về việc thông qua kinh phí hoạt động của HĐQT
3	06/QĐ-HĐQT/2016	25/01/2016	Nghị quyết về việc thưởng tết Nguyên Đán năm 2016
4	07/QĐ-HĐQT/2016	25/01/2016	Quyết định về việc chuyển xếp lương cho cán bộ công nhân lao động
5	08/QĐ-HĐQT/2016	25/01/2016	Quyết định về việc ban hành quy chế trả tiền lương cho Người lao động
6	12/QĐ-HĐQT/2016	19/02/2016	Quyết định về việc giao đơn giá tiền lương năm 2016
7	14/QĐ-HĐQT/2016	19/02/2016	Quyết định về việc ban hành quy chế trả lương của Công ty Cổ phần Đường KonTum
8	27/QĐ-HĐQT/2016	30/03/2016	Quyết định về việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc với Ông Nguyễn Xuân Minh
9	28/QĐ-IIHQQT/2016	30/03/2016	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với Ông Nguyễn Xuân Minh
10	29/NĐ-HĐQT/2016	30/03/2016	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty đối với Ông Lê Hồng Thái
11	30/QĐ-HĐQT/2016	30/03/2016	Quyết định về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty
12	38/NĐ-HĐQT/2016	12/04/2016	Nghị quyết về việc phân công nhiệm vụ cho thành viên HĐQT
13	40/QĐ-HĐQT/2016	18/04/2016	Quyết định về việc bổ nhiệm Thư ký HĐQT
14	42/QĐ-HĐQT/2016	04/05/2016	Quyết định về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Nguyễn Thắng



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
15	43/QĐ-HĐQT/2016	04/05/2016	Quyết định về việc bổ nhiệm Giám đốc Nhà máy Đường đối với Ông Lê Văn Ánh
16	44/QĐ-HĐQT/2016	04/05/2016	Quyết định về việc bổ nhiệm Trưởng Phòng Tổ chức hành chính đối với Ông Nguyễn Đức cần
17	53/NQ-HĐQT/2016	25/05/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch mua phân bón NPK và chỉ định thầu cung cấp phân bón phục vụ chăm sóc mía vụ 2016 và Kế hoạch chuyển đổi hình thức trả tiền thuê đất hàng năm sang trả một lần.
18	54/QĐ-HĐQT/2016	25/05/2016	Quyết định thành lập BQL công trình thi công hạng mục: Nhà Nguyên liệu, Nhà chờ xe + wc
19	55/QĐ-HĐQT/2016	25/05/2016	Quyết định phê duyệt phương án bổ sung thiết bị cho dây chuyền sản xuất để đảm bảo hoạt động ổn định, liên tục, bền bỉ và hiệu quả với công suất 1.800 TMN
20	57/QĐ-HĐQT/2016	02/06/2016	Quyết định phê duyệt kế hoạch Tu bổ sửa chữa lớn năm 2016
21	59/QĐ-HĐQT/2016	06/06/2016	Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu với hình thức chào hàng cạnh tranh các gói thầu xây lắp, bổ sung thiết bị cho dây chuyền sản xuất để đảm bảo hoạt động ổn định liên tục, bền bỉ, hiệu quả với công suất 1.800 TMN và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
22	60/QĐ-HĐQT/2016	13/06/2016	Quyết định về việc Phê duyệt kết quả xét chọn nhà thầu xây lắp công trình: Nhà nguyên liệu, nhà chờ xe + wc
23	62/QĐ-HĐQT/2016	28/06/2016	Quyết định về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán thực hiện kiểm toán cho năm tài chính từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 và từ 01/07/2016 đến 30/06/2017

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị và cùng đóng góp ý kiến các vấn đề quan trọng của Công ty.

**Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Hội đồng Quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một Thư ký Công ty, giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành. Khi cần thiết Hội đồng Quản trị sử dụng cán bộ quản lý của Công ty để giúp việc cho Hội đồng Quản trị.

### Ban Kiểm soát

#### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Trong 6 tháng đầu năm 2016, BKS đã tổ chức 2 đợt kiểm tra hoạt động SXKD và thẩm định báo cáo tài chính của Công ty.

- Các Kiểm soát viên chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công bằng công tác kiểm tra giám sát trực tiếp và thông qua báo cáo của HĐQT và BĐH gửi cho BKS.
- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, giám sát chặt chẽ hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc chấp hành các quy định của Nhà nước Quy chế quản trị nội bộ, đảm bảo các quyền lợi của cổ đông.
- Thông qua việc kiểm tra, giám sát, BKS đã kiến nghị với HĐQT, BĐH một số giải pháp tích cực trong công tác quản lý, điều hành, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ SXKD 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty.

#### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Trong 6 tháng đầu năm 2016, BKS luôn nhận được sự hợp tác tích cực của HĐQT và BĐH, các cuộc họp của HĐQT đều mời BKS tham gia, các chủ trương lớn, các quyết định quan trọng BĐH đều gửi tài liệu cho BKS. Phần lớn các đề xuất, kiến nghị của BKS đều được HĐQT, BĐH tiếp thu và ghi nhận.





## Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương	Thưởng
<b>A</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>49.873.082</b>	<b>4.440.000</b>
1	Đặng Việt Anh	-	-
2	Lê Hồng Thái	-	-
3	Trần Ngọc Hiếu	-	-
4	Nguyễn Thắng	-	-
5	Nguyễn Sỹ Hà	49.873.082	4.440.000
<b>B</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>43.295.570</b>	<b>3.400.000</b>
1	Trần Thị Nhi		
2	Nguyễn Thị Thủy		
3	Nguyễn Đức Cần	43.295.570	3.400.000
<b>C</b>	<b>Ban điều hành</b>	<b>148.485.826</b>	<b>11.400.000</b>
1	Lê Hồng Thái	23.148.001	700.000
2	Nguyễn Thắng	60.783.816	4.400.000
3	Hồ Minh Tường	64.554.009	6.300.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>241.654.478</b>	<b>19.240.000</b>

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Sỹ Hà	1.745	0,03%	245	0,005%	Bán
2	Hồ Minh Tường	9.126	0,18%	126	0,002%	Bán

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

### Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã tuân thủ và thực hiện công tác Quản trị công ty theo quy định Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán







Số: ~~16/~~2016/CPA HANOI - BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016  
của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum*

**Kính gửi:**

CÁC CÔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum được lập ngày 30/07/2016, trình bày từ trang 06 đến trang 35 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

2016  
C  
340  
KIẾ  
H  
1/07/16



Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum cho kỳ hoạt động kết thúc tại ngày 30/06/2016, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 284/2016/BCKT-AAC ngày 21/3/2016 về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016 đã kiểm toán, được lập thành 07 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau Công ty cổ phần Đường Kon Tum giữ 06 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2016

### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

  
Tổng Giám đốc  


Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy CNDKHNKT số: 0132-2013-016-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Phấn

Giấy CNDKHNKT số: 0928-2013-016-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016*
*Đơn vị tính: VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A.TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>105.504.128.229</b>	<b>109.163.165.001</b>
<b>I.Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>56.230.344.912</b>	<b>57.794.457.864</b>
1.Tiền	111		730.344.912	1.894.457.864
2.Các khoản tương đương tiền	112		55.500.000.000	55.900.000.000
<b>II.Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III.Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.999.122.754</b>	<b>41.811.876.150</b>
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	35.599.675.000	30.630.920.000
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.2	8.100.026.774	12.605.079.290
3.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.2	3.140.000.000	3.140.000.000
4.Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.076.529.731	1.680.431.495
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(3.917.108.751)	(6.244.554.635)
<b>IV.Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>5.197.361.879</b>	<b>9.505.712.657</b>
1.Hàng tồn kho	141		5.197.361.879	9.505.712.657
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>77.298.684</b>	<b>51.118.330</b>
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.1	77.298.684	-
2.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.2	-	51.118.330
<b>B.TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC</b>	<b>200</b>		<b>41.568.708.508</b>	<b>45.008.220.035</b>
<b>I.Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II.Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.586.748.786</b>	<b>41.307.775.025</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	39.278.324.103	39.978.934.568
- Nguyên giá	222		167.324.660.026	167.145.491.846
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(128.046.335.923)	(127.166.557.278)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.308.424.683	1.328.840.457
- Nguyên giá	228		1.912.794.286	1.912.794.286
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(604.369.603)	(583.953.829)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>559.892.462</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	559.892.462	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>422.067.260</b>	<b>3.700.445.010</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.2	422.067.260	3.700.445.010
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>147.072.836.737</b>	<b>154.171.385.036</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016  
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

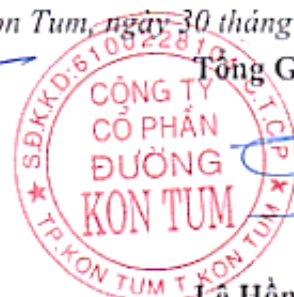
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.160.505.626</b>	<b>24.588.532.898</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.160.505.626</b>	<b>24.588.532.898</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	78.391.170	18.913.577.232
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		566.950	563.897.050
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.1	686.573.702	3.437.270.442
4. Phải trả người lao động	314		4.385.466.409	1.032.893.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	500	722
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	15.420.551	418.200.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	1.000.000	1.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.993.086.344	221.694.452
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>139.912.331.111</b>	<b>129.582.852.138</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>139.912.242.929</b>	<b>129.582.763.956</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.700.000.000	50.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.700.000.000	50.700.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.609.812.512	2.609.812.512
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.674.216.181	18.674.216.181
5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.136.360.000	4.626.045.950
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.791.854.236	52.972.689.313
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		29.737.444.371	30.877.444.371
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		33.054.409.865	22.095.244.942
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>88.182</b>	<b>88.182</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.23	88.182	88.182
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>147.072.836.737</b>	<b>154.171.385.036</b>

Kon Tum, ngày 30 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phan Dạ Uyên

Hồ Minh Tường

Lê Hồng Thái

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	201.039.400.919	203.210.326.197
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		201.039.400.919	203.210.326.197
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	163.717.489.790	177.162.932.776
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.321.911.129	26.047.393.421
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.612.321.030	22.950.724
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	64.018.673	1.425.923.405
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		64.018.673	1.425.923.405
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	776.887.319	1.881.599.212
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.350.074.523	7.976.671.263
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.743.251.644	14.786.150.265
11. Thu nhập khác	31	VI.7	462.369.355	94.438.621
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.913.849.306	187.580.501
13. Lợi nhuận khác	40		(1.451.479.951)	(93.141.880)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.291.771.693	14.693.008.385
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	237.361.828	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		33.054.409.865	14.693.008.385
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	6.520	2.898

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường

Kon Tum, ngày 30 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



Lê Hồng Thái



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

*Đơn vị tính: VND*

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		204.106.191.018	129.047.700.427
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(161.165.902.990)	(144.865.248.028)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.589.550.325)	(11.550.100.222)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(64.018.895)	(1.400.819.754)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(183.208.764)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	VII.1	571.842.657	1.927.114.625
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	VII.2	(15.636.170.082)	(11.664.802.679)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>18.039.182.619</b>	<b>(38.506.155.631)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(995.081.100)	(4.508.041.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		525.354.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	30.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.146.430.984	44.728.500
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>676.704.429</b>	<b>(4.433.312.500)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		39.900.421.392	162.768.554.348
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39.900.421.392)	(132.804.817.127)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.280.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(20.280.000.000)</b>	<b>29.963.737.221</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1.564.112.952)</b>	<b>(12.975.730.910)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		57.794.457.864	13.120.211.415
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		56.230.344.912	144.480.505

Người lập biểu

Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng

Hồ Minh Tường

Kon Tum, ngày 30 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc

CỘNG HÒA  
CÓ PHẢN  
ĐƯỜNG  
KON TUM

Lê Hồng Thái

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước ( Công ty Đường Kon Tum) theo quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 12/05/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100228104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 27/10/2006 và đăng kí thay đổi lần thứ 8 ngày 18/11/2015.

Công ty có trụ sở tại: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN.

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 50.700.000.000 đồng

(Bằng chữ: Năm mươi tỷ bảy trăm triệu đồng).

Cơ cấu vốn điều lệ:	Số cổ phần	Thành tiền	Phần trăm
Ông Nguyễn Tất Đạt	358.800	3.588.000.000	7,08%
Công ty TNHH Kim Hà Việt	760.500	7.605.000.000	15,00%
Các cổ đông khác	3.950.700	39.507.000.000	77,92%
<b>Tổng Cộng</b>	<b>5.070.000</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>100%</b>

**2 Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh đường.****3 Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất đường;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu ( trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây mía;
- Mua phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Sản xuất bao bì;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị;
- Gia công sản xuất các sản phẩm cơ khí;

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán năm :**

Năm 2015 trở về trước, kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.



Từ năm 2016, căn cứ theo thông báo số 40/HĐQT ngày 14/04/2016 năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

Theo đó:

*Năm tài khóa đầu tiên áp dụng niên độ mới: bắt đầu từ ngày 01/01/2016 kết thúc ngày 30/06/2016.*

*Bắt đầu từ năm tài khóa thứ 2 áp dụng niên độ mới thì ngày bắt đầu là ngày 01 tháng 07 năm này và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.*

- Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).

### III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư thay đổi bổ sung kèm theo.
- Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty cổ phần Đường Kon Tum, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### 1 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán:

##### a Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
- + Tỷ giá giao dịch khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
- + Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.



- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- b *Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.*
  - Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.
  - Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.
- c *Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán:*
  - Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:
    - + Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.
    - + Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí nhận trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước.
    - + Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.
    - + Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.
    - + Bên Nợ các tài khoản phải thu; Bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền; Bên Nợ các tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả tiền trước cho người bán.
    - + Bên Có các tài khoản phải trả; Bên Có các tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.
  - Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:
    - + Bên Có các tài khoản phải thu (ngoại trừ trường hợp giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các tài khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.



+ Bên Nợ các tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hoá, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

+ Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch đối với các đối tượng đó.

- Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở Bên Có các tài khoản tiền.

## 2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## 3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:*

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

## 4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

*Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:*

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

## 5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

*Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

**Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:**

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp....

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

**6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính**

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua ( trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc thiết bị	7 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6- 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 8 năm



Phần mềm quản lý	8 năm
Tài sản cố định vô hình khác	20 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

## 7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm
- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
- Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán.
- Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều kỳ kế toán.
- Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.
- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
- Các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

## 8 Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

*Nguyên tắc ghi nhận:* Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

## 9 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

## 10 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi chí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

## 11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ngoài ra chi phí phải trả còn phản ánh các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước như:

Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ.

Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm bất động sản đã bán.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

## 12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể. Các khoản này được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.



Các khoản dự phòng phải trả này thường được ước tính và có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả. Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hoá, hàng hoá dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Các trích trước được phản ánh vào dự phòng phải trả được, như:

Chi phí sửa chữa lớn của những tài sản đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, doanh nghiệp được phép trích trước chi phí sửa chữa lớn cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng, tái cơ cấu;

Các khoản dự phòng phải trả khác.

### 13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản :

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ;

### 14 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:
  - + Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.
  - + Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính ( nếu lãi) hoặc chi phí tài chính ( nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

### 15 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ...

Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

## 16 Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được coi là sự kiện cần được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo ( kỳ trước)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước sau điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

## 17 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.



Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ được ghi giảm giá vốn hàng bán.

## 18 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

## 19 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 20 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN ( ĐVT: VND)

1. Tiền	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	20.782.597	80.213.596
Tiền gửi Ngân hàng	709.562.315	1.814.244.268
<i>Tiền gửi ngân hàng VND</i>	<i>709.562.315</i>	<i>1.814.244.268</i>
NH Ngoại thương Kon Tum	484.940.932	1.323.362.592
NH Sacombank - CN Kon Tum	65.174.677	22.222.658
NH Công Thương Kon Tum	3.003.746	50.885.705
NH á Châu Kon Tum	125.907.398	265.140.024
NH Nông Nghiệp & PTNT Kon Tum	1.404.272	151.624.209
NH TMCP Đầu Tư & PT Kon Tum	29.131.290	1.009.080
- Các khoản tương đương tiền	55.500.000.000	55.900.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	55.500.000.000	55.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>56.230.344.912</b>	<b>57.794.457.864</b>
2. Phải thu cho về cho vay	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu về cho vay các bên không liên quan	3.140.000.000	3.140.000.000
<i>a Phải thu cho về cho vay ngắn hạn</i>	<i>3.140.000.000</i>	<i>3.140.000.000</i>
Công ty CP Nhựa Trường Thịnh (1)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Bắc Trung Bộ (2)	190.000.000	190.000.000
Công ty CP Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang (3)	500.000.000	500.000.000
Công ty CPXD Giao thông thủy lợi Kiên Giang (4)	450.000.000	450.000.000
<i>b Phải thu cho về cho vay dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>3.140.000.000</b>	<b>3.140.000.000</b>

(1) HĐ số 01/2013/HĐTD ngày 26/04/2013 thời hạn cho vay 3 tháng lãi suất 10%/năm. Từ ngày 1/3/2014 lãi suất là 0%

(2) HĐ số 02/2012/HĐTD ngày 30/8/2012, thời hạn vay 12 tháng lãi suất 13%/năm. Từ ngày 1/1/2015 lãi suất là 0%.

(3) HĐ số 03/2010/HĐTD ngày 15/6/2010 vay trả ngày 31/10/2010. Lãi suất 1,0416%/tháng. Từ ngày 1/3/2014 lãi suất là 0%.

(4) HĐ số 04/2010/HĐTD ngày 24/11/2010 gốc vay 500tr thời hạn 3tháng. Lãi suất 13%/năm. Từ ngày 1/3/2014 lãi suất là 0%.

Các khoản cho vay đều có đối chiếu hàng năm, tuy nhiên đã quá thời hạn thanh toán theo quy định và đơn vị đã trích lập dự phòng đầy đủ.

3. Phải thu khách hàng	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
3.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn	35.599.675.000	-	30.630.920.000	-
<i>a Phải thu khách hàng không là các bên liên quan</i>	<i>35.599.675.000</i>	<i>-</i>	<i>18.390.920.000</i>	<i>-</i>
Công Ty CP Dầu Tư Vương Quốc Việt	6.599.675.000	-	10.230.920.000	-
Công Ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	29.000.000.000	-	8.160.000.000	-
<i>b Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>12.240.000.000</i>	<i>-</i>
Công Ty TNHH Kim Hà Việt	-	-	12.240.000.000	-
3.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.100.026.774	(347.659.038)	12.605.079.290	(2.675.104.922)
Ngô Ngọc Cảnh	178.897.920	-	528.885.500	-
Trần Đình Hán	715.125.950	-	525.138.451	-
Nguyễn Đình Dương	-	-	487.572.000	(487.572.000)
Các đối tượng khác	7.206.002.904	(347.659.038)	11.063.483.339	(2.187.532.922)
<b>Cộng</b>	<b>43.699.701.774</b>	<b>(347.659.038)</b>	<b>43.235.999.290</b>	<b>(2.675.104.922)</b>

4. Phải thu khác	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác ngắn hạn	1.076.529.731	(429.449.713)	1.680.431.495	(429.449.713)
<i>a Phải thu khác - TK 138</i>	<i>1.075.972.684</i>	<i>(429.449.713)</i>	<i>1.678.627.495</i>	<i>(429.449.713)</i>
<i>Phải thu khác các bên không liên quan</i>	<i>1.075.972.684</i>	<i>(429.449.713)</i>	<i>1.634.181.940</i>	<i>(429.449.713)</i>
Cty CP Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang	235.069.436	(235.069.436)	235.069.436	(235.069.436)
Công Ty CP Xây Dựng Giao Thông Thủy Lợi Kiên Giang	189.512.499	(189.512.499)	189.512.499	(189.512.499)
Công ty Cổ phần Bắc trung bộ	4.867.778	(4.867.778)	4.867.778	(4.867.778)
Lãi dự thu Ngân Hàng TMCP Dầu Tư & PT Kon Tum	220.972.222	-	1.048.333	-
Lãi dự thu Ngân hàng Ngoại Thương Kon Tum	144.375.000	-	2.999.997	-
Công Ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	157.083.333	-	23.573.333	-

Phải thu CBCNV	-	-	1.073.464.039
Các đối tượng khác	124.092.416		103.646.525
<b>Phải thu khác các bên liên quan</b>	-	-	<b>44.445.555</b>
Công Ty TNHH Kim Hà Việt	-		44.445.555
<b>Phải thu về tạm ứng</b>	<b>557.047</b>	-	<b>1.804.000</b>

**5** Nợ xấu Tại ngày 30/06/2016 Tại ngày 01/01/2016

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	4.093.086.090	175.977.339	6.244.554.635	2.402.864.743
Quá hạn 6 tháng đến dưới 1 năm		Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn từ 3 năm trở lên
			2.000.000.000	-
	75.418.859	186.799.740	-	85.440.439
<b>Cộng</b>	<b>75.418.859</b>	<b>186.799.740</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>1.654.890.152</b>

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

**Trong đó:**

Công ty CP Nhựa Trương Thịnh
Công ty CP Bắc Trung Bộ
Công ty CP Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang
Công ty CPXD Giao thông thủy lợi Kiên Giang
Công ty Cổ phần Bắc trung bộ
Trả trước người bán

**6.** Hàng tồn kho Số cuối năm Số đầu năm

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	850.195.755		2.478.113.128	
Công cụ, dụng cụ	3.651.230.702		4.039.854.476	
CP SXKD dở dang	311.926.470		1.906.696.802	
Thành phẩm	286.415.452		316.509.354	
Hàng hóa	97.593.500	-	764.538.897	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>5.197.361.879</b>	-	<b>9.505.712.657</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN  
 Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động  
 Kết thúc ngày 30/06/2016

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>48.302.790.808</b>	<b>115.133.471.130</b>	<b>3.253.729.693</b>	<b>455.500.215</b>	<b>167.145.491.846</b>
- Mua trong năm					-
- XDCB hoàn thành	690.362.000		751.784.545		1.442.146.545
- Tặng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán			1.262.978.365		1.262.978.365
- Giảm khác				-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>48.302.790.808</b>	<b>115.823.833.130</b>	<b>2.742.535.873</b>	<b>455.500.215</b>	<b>167.324.660.026</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>40.415.770.203</b>	<b>84.145.748.458</b>	<b>2.312.980.117</b>	<b>292.058.500</b>	<b>127.166.557.278</b>
- Khấu hao trong kỳ	374.952.546	1.603.073.011	109.902.645	22.005.000	2.109.933.202
- Tặng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán			1.230.154.557	-	1.230.154.557
- Giảm khác					-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>40.790.722.749</b>	<b>85.748.821.469</b>	<b>1.192.728.205</b>	<b>314.063.500</b>	<b>128.046.335.923</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					
- Tại ngày đầu kỳ	7.887.020.605	30.987.722.672	940.749.576	163.441.715	39.978.934.568
- Tại ngày cuối kỳ	7.512.068.059	30.075.011.661	1.549.807.668	141.436.715	39.278.324.103

*Note: Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 85.206.125.306 đồng*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM****Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

Kết thúc ngày 30/06/2016

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>				
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>1.180.000.000</b>	<b>589.080.000</b>	<b>143.714.286</b>	<b>1.912.794.286</b>
- Mua trong năm				-
- XDCB hoàn thành				-
- Tặng khác				-
- Chuyển sang BĐS đầu tư				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.180.000.000</b>	<b>589.080.000</b>	<b>143.714.286</b>	<b>1.912.794.286</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>-</b>	<b>572.257.083</b>	<b>11.696.746</b>	<b>583.953.829</b>
- Khấu hao trong kỳ		16.822.917	3.592.857	20.415.774
- Tặng khác				-
- Chuyển sang BĐS đầu tư				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>589.080.000</b>	<b>15.289.603</b>	<b>604.369.603</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>				
- Tại ngày đầu kỳ	1.180.000.000	16.822.917	132.017.540	1.328.840.457
- Tại ngày cuối kỳ	1.180.000.000	-	128.424.683	1.308.424.683



9. Chi phí XDCB dở dang:	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
XDCB dở dang	36.363.637	-
Chi phí sửa chữa lớn	523.528.825	-
<b>Cộng</b>	<b>559.892.462</b>	<b>-</b>
10. Chi phí trả trước	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
10.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	77.298.684	-
Chi phí thuế đất chưa phân bổ	3.772.245	-
Chi phí bảo trì phần mềm	42.906.000	-
Chi phí bảo hiểm	28.763.782	-
Phí đường bộ,	1.856.657	-
10.2 Chi phí trả trước dài hạn	422.067.260	3.700.445.010
Chi phí bảo hiểm, phí đường bộ	3.788.617	128.357.809
Chi phí CCDC chờ phân bổ	267.469.707	191.174.139
Chi phí sửa chữa tài sản	150.808.936	3.268.816.976
Chi phí trả trước tài sản không đủ tiêu chuẩn là TSCĐ	-	112.096.086
11. Vay và nợ thuê tài chính (phụ lục 01)		
12. Phải trả người bán	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	78.391.170	18.913.577.232
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả người bán không là các bên liên quan</i>	78.391.170	18.913.577.232
Nguyễn Hữu Trung	-	1.283.276.246
Các đối tượng khác	78.391.170	17.630.300.986
<i>Tất cả các khoản phải trả trên đều là nợ trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán</i>		

**13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

13.1	Thuế và các khoản phải nộp NN	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	Thuế GTGT	3.087.423.774	9.132.535.197	11.544.839.185	675.119.786
	Thuế TNDN		237.361.828	234.327.094	3.034.734
	Thuế Tài nguyên	57.845.538	145.304.113	203.149.651	-
	Thuế đất, tiền thuê đất		57.216.802	57.216.802	-
	Thuế TNCN	292.001.130	819.571.359	1.103.153.307	8.419.182
	Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	
	<b>Cộng</b>	<b>3.437.270.442</b>	<b>10.394.989.299</b>	<b>13.145.686.039</b>	<b>686.573.702</b>

13.2	Thuế và các khoản phải thu NN	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
	Thuế TNDN		51.118.330
	<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>51.118.330</b>

14.	Chi phí phải trả	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
	<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
	Chi phí tiền lãi vay	500	722
	<b>Cộng</b>	<b>500</b>	<b>722</b>

15.	Các khoản phải trả khác	30/06/2016	01/01/2016
	<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.420.551</b>	<b>418.200.000</b>
	Công ty TNHH MTV Vận Tải Hàng Hóa Đại Tiến	-	267.000.000
	Phải trả CBCNV	15.420.551	
	Phải trả khác		151.200.000
	<b>Cộng</b>	<b>15.420.551</b>	<b>418.200.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN  
 Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động  
 Kết thúc ngày 30/06/2016

**16. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu****A- Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>2.609.812.512</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>4.626.045.950</b>	<b>38.482.444.371</b>	<b>115.092.519.014</b>
- Tăng vốn trong năm trước						-
- Lãi trong năm trước					22.991.678.277	22.991.678.277
- Tăng khác						-
- Giảm vốn trong năm trước						-
- Giảm khác năm trước					8.501.433.335	8.501.433.335
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>2.609.812.512</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>4.626.045.950</b>	<b>52.972.689.313</b>	<b>129.582.763.956</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>2.609.812.512</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>4.626.045.950</b>	<b>52.972.689.313</b>	<b>129.582.763.956</b>
- Tăng vốn trong năm nay				510.314.050		510.314.050
- Lãi trong năm					33.054.409.865	33.054.409.865
- Tăng khác						-
- Giảm vốn trong năm						-
- Giảm do trích lập quỹ KTPL và các quỹ khác					2.955.244.942	2.955.244.942
- Chia cổ tức, lợi nhuận trong kỳ					20.280.000.000	20.280.000.000
- Giảm khác trong năm						-
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>2.609.812.512</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>5.136.360.000</b>	<b>62.791.854.236</b>	<b>139.912.242.929</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.605.000.000	7.605.000.000
Nguyễn Tất Đạt	3.588.000.000	3.588.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39.507.000.000	39.507.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>50.700.000.000</b>
C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:		
	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	50.700.000.000	50.700.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	50.700.000.000	50.700.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>23.235.244.942</b>	<b>8.501.433.335</b>
Chia cổ tức	20.280.000.000	7.605.000.000
Trích các quỹ	2.955.244.942	896.433.335
D. Cổ phiếu	30/06/2016	01/01/2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.070.000	5.070.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.070.000	5.070.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.070.000</i>	<i>5.070.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.070.000	5.070.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.070.000</i>	<i>5.070.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	
E. Cổ tức	Kỳ này	Năm trước
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	Chưa công bố	40%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:		
F. Các quỹ doanh nghiệp	30/06/2016	01/01/2016
Quỹ đầu tư phát triển	18.674.216.181	18.674.216.181
17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	30/06/2016	01/01/2016
Nợ khó đòi đã xử lý	11.755.504.970	9.359.347.847



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán đường	184.915.276.573	189.425.219.722
Doanh thu bán mật	11.558.476.191	7.171.383.806
Doanh thu bán bã bòn	1.924.223.892	1.224.659.145
Doanh thu bán phân bón	1.217.184.500	4.953.906.417
Doanh thu khác	1.424.239.763	435.157.107
<b>Cộng</b>	<b>201.039.400.919</b>	<b>203.210.326.197</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn bán đường	161.657.844.871	163.488.303.796
Giá vốn bán mật	722.247.861	7.159.596.791
Giá vốn bán bã bòn	-	1.190.864.477
Giá vốn bán phân bón	1.217.128.997	4.951.300.605
Giá vốn khác	120.268.061	372.867.107
<b>Cộng</b>	<b>163.717.489.790</b>	<b>177.162.932.776</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, cho vay, lãi trả chậm	1.612.321.030	22.950.724
<b>Cộng</b>	<b>1.612.321.030</b>	<b>22.950.724</b>
<b>4. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	64.018.673	1.425.923.405
<b>Cộng</b>	<b>64.018.673</b>	<b>1.425.923.405</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	-	512.941.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	665.574.323	1.247.377.911
Chi phí khác	111.312.996	121.279.453
<b>Cộng</b>	<b>776.887.319</b>	<b>1.881.599.212</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	2.183.924.617	3.344.183.656
Chi phí dự phòng	68.711.239	3.392.566.555
Chi phí KH TSCĐ	220.780.937	
Chi phí QLDN khác	876.657.730	1.239.921.052
<b>Cộng</b>	<b>3.350.074.523</b>	<b>7.976.671.263</b>

7.	Thu nhập khác	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	Thu tiền phạt		22.466.667
	Thanh lý CCDC, tài sản	441.478.445	27.545.452
	Thu khác	20.890.910	44.426.502
	<b>Cộng</b>	<b>462.369.355</b>	<b>94.438.621</b>
8.	Chi phí khác	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	187.000.000	138.000.000
	Chi phí tiền lương năm 2014	1.073.464.039	-
	Các khoản khác	653.385.267	49.580.501
	<b>Cộng</b>	<b>1.913.849.306</b>	<b>187.580.501</b>
9.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.291.771.693	14.693.008.385
	Điều chỉnh để xác định lợi nhuận chịu thuế	5.627.759.092	187.580.500
	<i>Điều chỉnh tăng</i>	5.627.759.092	187.580.500
	Lương, thù lao HĐQT không làm việc tại công ty	187.000.000	138.000.000
	Chênh lệch tiền lương đã hạch toán vào chi phí và số thực trả đến 30/06/2016	3.676.471.786	-
	Chi phí tiền lương năm 2014	1.073.464.039	-
	Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	690.823.267	49.580.500
	<i>Điều chỉnh giảm</i>	-	-
	Thu nhập được miễn thuế	37.732.721.645	14.880.588.888
	Thu nhập tính thuế	1.186.809.140	-
	- Trong đó lãi tiền gửi có kỳ hạn	724.439.785	-
	- Thu nhập khác	462.369.355	-
	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	237.361.828	-
10.	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	Chi phí nguyên vật liệu	145.491.214.946	110.244.133.157,0
	Chi phí nhân viên	12.900.781.974	13.124.315.513
	Chi phí khấu hao TSCĐ	2.130.348.976	2.596.408.322
	Chi bằng tiền khác	265.414.609	877.897.734
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.022.961.478	7.424.416.235
	Trích lập dự phòng	68.711.239	-
	<b>Cộng</b>	<b>165.879.433.222</b>	<b>134.267.170.961</b>



11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.054.409.865	14.693.008.385
Số cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	5.070.000	5.070.000
Số cổ phiếu phát hành thêm	-	-
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	5.070.000	5.070.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.520</b>	<b>2.898</b>

## VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND
<b>1. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>571.842.657</b>
Thu nợ đầu tư vùng nguyên liệu	69.230.290
Thu ký quỹ, ký cược, đặt cọc	171.600.000
Thu tạm ứng	251.950.730
Thu tiền hồ sơ thầu, tiền hỗ trợ	9.163.637
Thu bảo hiểm, trợ cấp BH	68.386.900
Thu khác	1.511.100
<b>2. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>15.636.170.082</b>
Chi nộp thuế GTGT	11.544.839.185
Chi nộp thuế môn bài, TNCN, thuế khác	339.783.087
Chi nộp thuế đất, thuê đất	57.216.802
Chi nộp thuế tài nguyên	203.149.651
Chi tạm ứng	298.227.787
Chi nộp KPCĐ, bảo hiểm	2.322.020.171
Chi trả ký quỹ, đặt cọc	309.900.000
Chi khen thưởng phúc lợi và chi khác	561.033.399

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1 Công cụ tài chính

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
-Tiền và các khoản tương đương tiền	56.230.344.912	56.230.344.912
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	47.916.231.505	43.999.122.754

## Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công nợ tài chính tại 30/06/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	78.391.170	-	78.391.170
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	15.420.551	-	15.420.551
Chi phí phải trả	500	-	500
Vay và nợ thuê tài chính	1.000.000	-	1.000.000

## Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường ( bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

## 2. Thông tin về các bên liên quan khác

### 2.1 Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan

Công ty TNHH Kim Hà Việt  
Ông Nguyễn Tất Đạt  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc

### Mối quan hệ

Cổ đông lớn  
Cổ đông lớn  
Ông Lê Văn Thái TGD là CT HĐQT

### 2.2. Doanh thu bán hàng và CCDV

Công ty TNHH Kim Hà Việt

Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
9.313.000.001	35.519.699.044



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc	124.047.619.047	-
<b>Cộng</b>	<b>133.360.619.048</b>	<b>35.519.699.044</b>
<b>2.3. Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
Công Ty TNHH Kim Hà Việt	2.452.901.400	-
<b>Cộng</b>	<b>2.452.901.400</b>	<b>-</b>
<b>2.4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Công ty TNHH Kim Hà Việt	192.618.474	-
<b>Cộng</b>	<b>192.618.474</b>	<b>-</b>
<b>2.5. Các khoản phải thu</b>	<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>Tại ngày 01/01/2016</b>
Công Ty TNHH Kim Hà Việt -TK131	-	12.240.000.000
Công Ty TNHH Kim Hà Việt -TK138	-	44.445.555
<b>2.6 Thu nhập HĐQT và BKS</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Thù lao HĐQT + BKS	253.794.480	260.711.687
Thu nhập ban Tổng GD và thành viên chủ chốt	254.608.446	346.116.457
<b>Cộng</b>	<b>508.402.926</b>	<b>606.828.144</b>

### 3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp

Công ty có kinh doanh các dịch vụ chính sau:

Kinh doanh sản xuất: đường, mật ri, sản phẩm vi sinh, phân bón ủ men, mía giống...

Kinh doanh thương mại: Bán thành phẩm, phân bón,...

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

Thông tin về kết quả kinh doanh, của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	KQKD theo bộ phận
Doanh thu bán đường	184.915.276.573	161.657.844.871	23.257.431.702
Doanh thu bán mật	11.558.476.191	722.247.861	10.836.228.330
Doanh thu bán bã bùn	1.924.223.892	-	1.924.223.892

Doanh thu bán phân bón	1.217.184.500	1.217.128.997	55.503
Doanh thu khác	1.424.239.763	120.268.061	1.303.971.702
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(4.126.961.842)
<b>Cộng</b>	<b>201.039.400.919</b>	<b>163.717.489.790</b>	<b>33.194.949.287</b>

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2015 và 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo

**6. Những thông tin khác**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường

Kon Tum, ngày 30 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



Lê Hồng Thái

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM****Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN  
 Điện thoại: (060) 3864 958 - Fax: (060) 3862 969

Cho kỳ hoạt động  
 Kết thúc ngày 30/06/2016

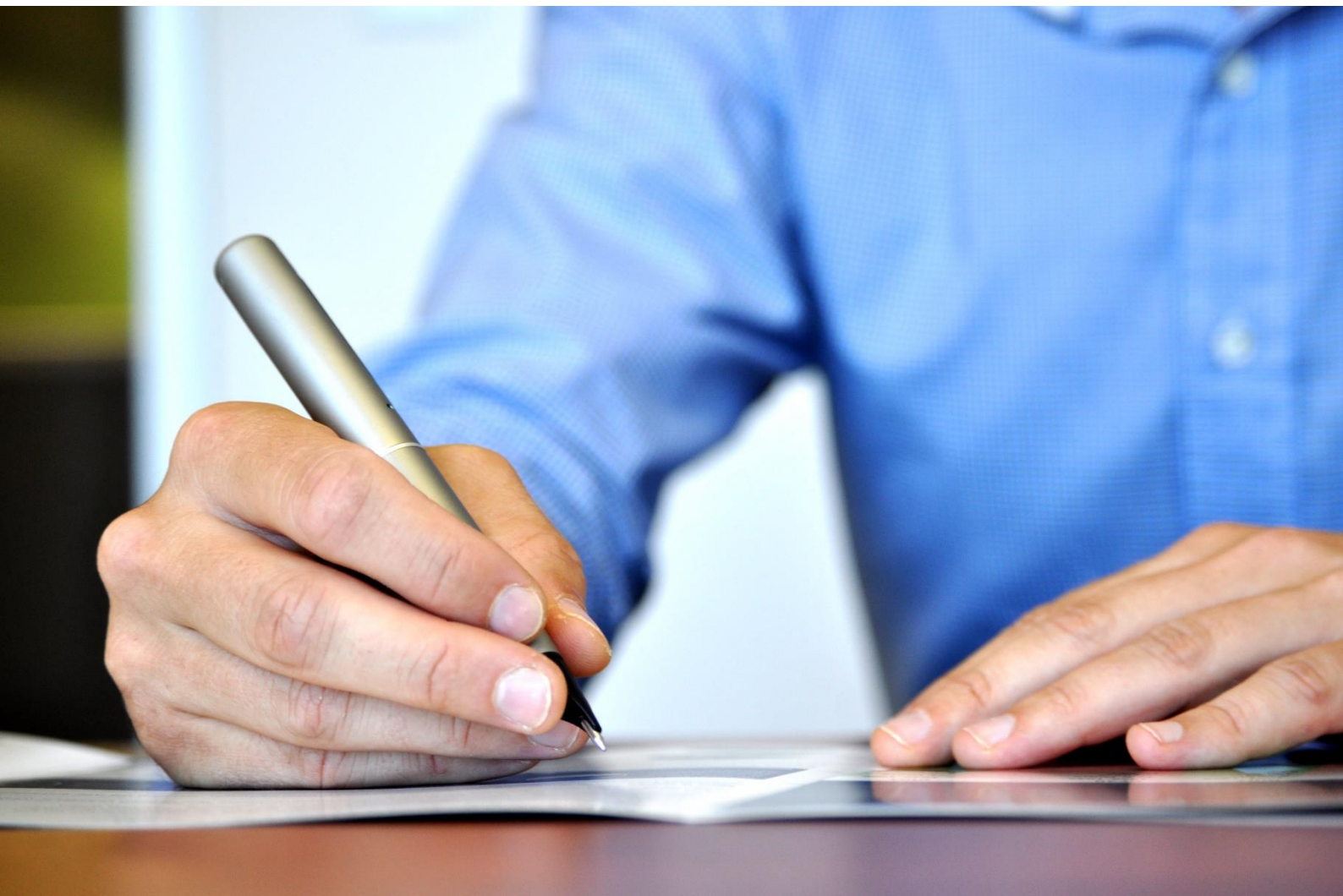
**Phụ lục 01****9. Vay và nợ thuê tài chính**

Khoản mục	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.000.000	1.000.000	39.900.421.392	39.900.421.392	1.000.000	1.000.000
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kontum (1)	1.000.000	1.000.000	27.585.721.392	27.585.721.392	1.000.000	1.000.000
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Kontum	-	-	12.314.700.000	12.314.700.000		
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.000.000</b>	<b>1.000.000</b>	<b>39.900.421.392</b>	<b>39.900.421.392</b>	<b>1.000.000</b>	<b>1.000.000</b>

- Hợp đồng vay : 141/15/NHNT ngày 10/08/2105 tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kon Tum, hạn mức vay: 100.000.000.000 VNĐ.

Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đường, thời hạn vay vốn đến hết 10/08/2016, thời gian cho vay : 6 tháng kể từ ngày nhận kế ước vay, lãi suất theo từng lần nhận nợ, tài sản đảm bảo : không có tài sản đảm bảo .





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**  
**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

   
Đặng Việt Anh